



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 10/2026**  
Từ 16/3 - 20/3/2026

**TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

## THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM, TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, PHÁP LUẬT TẠI PHIÊN HỌP QUÝ I/2026

Ngày 17/3/2026, Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật ban hành Thông báo số 15-TB/BCĐTW về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp quý I/2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo.



Tổng Bí thư Tô Lâm phát biểu chỉ đạo tại Phiên họp. Ảnh: VGP

### Nội dung Thông báo số 15-TB/BCĐTW như sau:

Ngày 11/3/2026, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật chủ trì Phiên họp quý I/2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo để thảo luận, cho ý kiến đối với 05 nội dung trọng tâm, gồm: (i) Dự thảo Đề án Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khoá XVI; (ii) Dự thảo Đề cương Đề án “Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới”; (iii) Cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hoá các chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị; (iv) Cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hoá chủ trương của Đảng về an toàn thực phẩm; (v) Kết quả công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật trong thời gian qua và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới.

Sau khi nghe báo cáo của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, ý kiến của các đồng chí Thường trực Ban Chỉ đạo, các đồng chí tham dự Phiên họp, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo kết luận như sau:

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**  
\*

**ÔNG PHẠM MINH HÙNG**  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
BỘ NỘI VỤ

**BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY**  
\*

**TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**  
BỘ NỘI VỤ

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**  
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

**ĐIỆN THOẠI**  
024.62821016

**EMAIL**  
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

**WEBSITE**  
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

## ***1. Về dự thảo Đề án Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khoá XVI***

Thường trực Ban Chỉ đạo đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực của Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng dự thảo Đề án. Thường trực Ban Chỉ đạo cơ bản thống nhất với mục tiêu, yêu cầu, quan điểm chỉ đạo, các định hướng, nhiệm vụ lập pháp và nguyên tắc xác định thứ tự ưu tiên được đề xuất trong dự thảo Đề án.

Đề nghị Đảng uỷ Quốc hội tiếp thu các ý kiến tại Phiên họp để tiếp tục hoàn thiện Đề án, trong đó, cần đặc biệt chú trọng việc thể chế hoá ngay trong năm 2026 những nội dung cốt lõi, quan trọng của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; đồng thời, bảo đảm đồng bộ với Kết luận số 09-KL/TW, ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; phối hợp Văn phòng Trung ương Đảng trình Bộ Chính trị thông qua Đề án trước khi Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá XVI khai mạc.

## ***2. Về dự thảo Đề cương Đề án “Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới”***

Thường trực Ban Chỉ đạo cơ bản thống nhất với dự thảo Đề cương Đề án. Giao Đảng uỷ Bộ Tư pháp tiếp thu ý kiến tại Phiên họp để hoàn thiện Đề cương, khẩn trương tổ chức nghiên cứu, xây dựng Đề án và báo cáo Ban Chỉ đạo tại Phiên họp tháng 9/2026. Việc xây dựng Đề án phải có cách tiếp cận toàn diện, hệ thống, có cơ sở lý luận vững chắc gắn với tổng kết thực tiễn sâu sắc và tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu phải là “bản thiết kế tổng thể” hệ thống pháp luật, bao quát được đầy đủ các lĩnh vực đời sống, dân chủ, công bằng, tinh gọn, thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, thúc đẩy kiến tạo phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Quá trình xây dựng Đề án cần bảo đảm gắn kết chặt chẽ với nội dung các Đề án lớn đang triển khai, gồm: Đề án “Hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”; Đề án Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930 - 2030), định hướng lãnh đạo phát triển đất nước trong 100 năm tiếp theo (2030 - 2130), Tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tổng kết, sửa đổi tổng thể Hiến pháp năm 2013.

Thường trực Ban Chỉ đạo thống nhất với đề xuất mở rộng phạm vi của Đề án, bao gồm nội dung Chiến lược cải cách tư pháp. Về thẩm quyền ban hành Nghị quyết về Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới, trên cơ sở các nội dung cụ thể của Đề án, Đảng uỷ Bộ Tư pháp báo cáo Bộ Chính trị hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền báo cáo Ban Chấp hành Trung ương xem xét, ban hành Nghị quyết đối với các nội dung thuộc thẩm quyền.

3- Về Báo cáo chuyên đề về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hoá các chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị

Thường trực Ban Chỉ đạo nhất trí với các đề xuất nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tư nhân. Đề nghị Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo Đảng uỷ Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan: (1) Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá đầy đủ các chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Đại hội XIV, Nghị quyết số 68-NQ/TW và các Nghị quyết chiến lược khác của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị. Đối với các quy định đã được thể chế hoá, cần khẩn trương ban hành đầy đủ, kịp thời văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành để các chính sách sớm đi vào cuộc sống, hỗ trợ thực chất cho kinh tế tư nhân theo hướng phân cấp, phân quyền mạnh cho địa phương. (2) Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ pháp luật; bảo đảm các nguồn lực về đất đai, vốn, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và thị trường để thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ hơn. (3) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả, khả thi của các giải pháp đã ban hành để điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn. Những bất cập, hạn chế hoặc những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn phát triển kinh tế tư nhân phải được kịp thời giải quyết, không để tồn tại các “điểm nghẽn”, rào cản pháp lý cho phát triển kinh tế tư nhân. (4) Sớm hoàn thiện chính sách, pháp luật và cơ chế thực thi hiệu quả để cá nhân, hộ kinh doanh phát triển thành doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển thành các doanh nghiệp lớn; các doanh nghiệp lớn phải trở thành các tập đoàn ngang tầm khu vực và quốc tế, làm giàu chính đáng cho gia đình, doanh nghiệp và đóng góp vào sự phát triển giàu mạnh, phồn vinh của đất nước. Trong đó, đặc biệt lưu ý đến cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh; có cơ chế phù hợp để không tạo gánh nặng về chi phí cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh trong tiếp cận, thực thi quy định của pháp luật và tăng cường hỗ trợ pháp lý cho các đối tượng này.

***4. Về Báo cáo chuyên đề về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hoá chủ trương của Đảng về an toàn thực phẩm***

Thường trực Ban Chỉ đạo cơ bản thống nhất với đánh giá và đề xuất của Đảng uỷ Bộ Y tế. Quan điểm xuyên suốt trong hoàn thiện cơ chế, chính sách về an toàn thực phẩm là bảo đảm tốt nhất sức khoẻ Nhân dân, làm cho người dân yên tâm hơn khi sử dụng thực phẩm hằng ngày; tạo môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm chân chính, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp thực phẩm phát triển bền vững; đồng thời, xử lý nghiêm các sai phạm liên quan đến sản xuất, kinh doanh thực phẩm không bảo đảm chất lượng làm ảnh hưởng đến sức khoẻ người dân.

Thường trực Ban Chỉ đạo đề nghị Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo Đảng uỷ Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan tập trung: (1) Rà soát tổng thể các quan điểm, chủ trương của Đảng về an toàn thực phẩm được thể hiện trong Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới và các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân; nông nghiệp, nông dân và

nông thôn; phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kinh tế tư nhân... Trên cơ sở đó, xác định phương hướng, nhiệm vụ hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý an toàn thực phẩm trong thời gian tới để xử lý đồng bộ những vướng mắc, bất cập có liên quan thuộc lĩnh vực pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn; bảo vệ thực vật, động vật; chất lượng, sản phẩm hàng hoá...; bảo đảm khả thi, sát thực tế, phù hợp với thông lệ quốc tế. (2) Tập trung nguồn lực sửa đổi, bổ sung Luật An toàn thực phẩm, khẩn trương trình Quốc hội khoá XVI thông qua, đáp ứng yêu cầu cấp bách để phát triển, mục tiêu là xây dựng khung pháp lý để quản lý an toàn thực phẩm hiện đại, đồng bộ, hiệu lực và hiệu quả; chuyển mạnh tư duy quản lý an toàn thực phẩm từ “kiểm soát từng khâu riêng lẻ” sang “quản lý toàn bộ chuỗi giá trị thực phẩm”, bảo đảm quản lý chặt chẽ từ sản xuất, chế biến, lưu thông cho đến tiêu dùng thực phẩm; khắc phục tình trạng quản lý phân tán, chồng chéo; nâng cao năng lực phòng ngừa rủi ro và xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn thực phẩm; vừa bảo vệ sức khoẻ Nhân dân vừa thúc đẩy phát triển sản xuất thực phẩm sạch, an toàn, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng thực phẩm toàn cầu. Quá trình sửa đổi, bổ sung Luật An toàn thực phẩm và các quy định khác về an toàn thực phẩm có sự tham gia đầy đủ của các cơ quan, tổ chức, hiệp hội, ngành hàng, cộng đồng doanh nghiệp; bảo đảm đầy đủ, sẵn sàng các điều kiện vật chất, kỹ thuật, nhân lực... để tổ chức thực thi pháp luật. (3) Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo triển khai chủ trương hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước theo hướng thống nhất chỉ một đầu mối từ trung ương đến địa phương; xây dựng Đề án cụ thể trình Bộ Chính trị trong tháng 4/2026.

### ***5. Về Báo cáo kết quả công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật trong thời gian qua và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới***

Thường trực Ban Chỉ đạo ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan trong việc đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, kịp thời thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng; hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện theo tư duy mới vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển, tháo gỡ vướng mắc kìm hãm sự phát triển, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh. Trong năm 2025 đã xử lý cơ bản các “điểm nghẽn” do quy định pháp luật; trong số 317 phản ánh, kiến nghị cần xử lý trong năm 2026, chỉ hơn 02 tháng đầu năm đã xử lý được 159/317 phản ánh, kiến nghị, chiếm 50,2%.

Thường trực Ban Chỉ đạo đề nghị các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo chỉ đạo các cơ quan phối hợp chặt chẽ để khắc phục các tồn tại, hạn chế được nêu trong Báo cáo, gắn với triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo, thể chế hoá đầy đủ các chủ trương lớn của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV, các Nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị, phục vụ phát triển đất nước.

Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng đã xác định xây dựng đồng bộ thể chế phát triển là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của nhiệm kỳ. Vì vậy, khối lượng công việc trong thời gian tới là rất lớn. Thường trực Ban Chỉ đạo đề nghị các cơ quan liên quan cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng và thi hành pháp luật, đưa thể chế và pháp luật trở thành lợi thế cạnh

tranh và động lực kiến tạo phát triển, góp phần hiện thực hoá 2 mục tiêu 100 năm của đất nước. Quá trình xây dựng pháp luật phải chuẩn bị kỹ lưỡng ngay từ khâu xây dựng chính sách; dựa trên tổng kết thực tiễn, tham vấn rộng rãi người dân, doanh nghiệp và chuyên gia, nhà khoa học (bao gồm chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài); đồng thời, chú trọng nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật để pháp luật thực sự đi vào cuộc sống; bảo đảm chuyển tư duy đánh giá hiệu quả pháp luật từ “pháp luật tốt trong văn bản” sang “pháp luật tốt trong cuộc sống”.

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

## HOÀN THIỆN CẤU TRÚC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Thay mặt Bộ Chính trị, đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư đã ký ban hành Kết luận về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Kết luận số 09-KL/TW, ngày 10/3/2026).

Kết luận số 09-KL/TW nêu rõ, tại phiên họp ngày 27/02/2026, sau khi nghe Đảng uỷ Bộ Tư pháp báo cáo về Đề án “Hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” (Tờ trình số 22-TTr/ĐU, ngày 29/12/2025; sau đây gọi tắt là Đề án) và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị thống nhất chủ trương thông qua Đề án và nhấn mạnh những nội dung sau:

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, hệ thống pháp luật của nước ta không ngừng được hoàn thiện. Tuy nhiên, về phương diện cấu trúc, hệ thống pháp luật hiện hành còn công kênh, nhiều tầng nấc; tính thống nhất nội tại có phần còn hạn chế; trật tự thứ bậc hiệu lực pháp lý có trường hợp chưa thực sự rõ ràng, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Để tạo nền tảng pháp lý vững chắc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế liên tục trên 10% hằng năm, đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045, đòi hỏi phải nghiên cứu, hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam.

Mục tiêu của việc hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật là tạo lập được cấu trúc hệ thống pháp luật hiện đại, hợp lý, khoa học, bao quát đầy đủ các lĩnh vực đời sống xã hội, làm tiền đề để xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, tinh gọn, thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, thúc đẩy kiến tạo phát triển và đưa pháp luật thành lợi thế cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn tới.

***Việc hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật cần bảo đảm các định hướng sau:***

Cấu trúc hệ thống pháp luật được xác định theo thứ bậc từ các nguồn luật, bao gồm hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (Hiến pháp; văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội và

Ủy ban Thường vụ Quốc hội; văn bản quy phạm pháp luật dưới luật của các cơ quan Trung ương; văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương) và các nguồn bổ trợ (án lệ, tập quán, lễ công bằng).

Mở rộng phạm vi áp dụng và xác định rõ giá trị pháp lý của các nguồn bổ trợ, theo hướng án lệ, tập quán, lễ công bằng được sử dụng để điều chỉnh các quan hệ xã hội chưa được văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoặc chưa được quy định rõ ràng trong một số trường hợp cụ thể.

Bổ sung nguyên tắc áp dụng pháp luật trong trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề theo hướng ưu tiên áp dụng quy phạm pháp luật chuyên ngành so với quy phạm pháp luật chung.

Đơn giản hoá hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo hướng mỗi chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật chỉ ban hành một hình thức văn bản quy phạm pháp luật với lộ trình thực hiện phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Các văn bản quy phạm pháp luật phải quy định rõ mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh, hiệu lực áp dụng, quy định chuyển tiếp..., nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn xây dựng và thi hành pháp luật.

Hạn chế việc ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Không ban hành một văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác khi các văn bản đó không có mối liên hệ chặt chẽ về nội dung hoặc không cùng điều chỉnh một nhóm lĩnh vực.

Xác định rõ quy phạm pháp luật công và quy phạm pháp luật tư trong xây dựng pháp luật. Các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với nhau hoặc giữa cơ quan nhà nước với cá nhân, tổ chức (quy phạm pháp luật công) được thiết kế cụ thể, chặt chẽ, minh bạch, bảo đảm thực hiện tốt chức năng trao thẩm quyền đủ mạnh cho các cơ quan trong bộ máy nhà nước, đồng thời kiểm soát hiệu quả, phòng ngừa nguy cơ lạm dụng, lợi dụng quyền lực.

Các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể là các cá nhân, tổ chức không mang quyền lực nhà nước (quy phạm pháp luật tư) được thiết kế theo hướng chủ yếu đặt ra khung pháp lý mang tính nguyên tắc; các nội dung cụ thể để các chủ thể tự thoả thuận trên cơ sở nhu cầu, lợi ích, quyền tự định đoạt, tự chịu trách nhiệm của mình trên tinh thần không vi phạm điều cấm của luật, phát huy tính năng động, sáng tạo của người dân, doanh nghiệp, tạo động lực quan trọng để huy động mọi nguồn lực, khơi dậy mọi tiềm năng phục vụ phát triển đất nước.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc “thượng tôn Hiến pháp và pháp luật”, Hiến pháp là luật cơ bản, có hiệu lực pháp lý cao nhất; một số bộ luật, luật có tính nền tảng là trung tâm của hệ thống pháp luật, bao gồm: Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng hành chính.

Trong các văn bản luật có tính nền tảng, ngoài các quy định chi tiết, cụ thể, còn có các nguyên tắc cơ bản có giá trị chi phối, định hướng các văn bản luật còn lại trong hệ thống pháp luật.

Đẩy mạnh việc hoàn thiện quy định pháp luật phục vụ kiến tạo phát triển, phát huy vai trò dẫn dắt, “đi trước mở đường” của pháp luật, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh.

Chú trọng ban hành các chính sách đặc thù, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát nhằm hình thành các lực lượng sản xuất, phương thức sản xuất, lĩnh vực kinh tế mới và khuyến khích, thúc đẩy phát triển ngành, nghề, các địa bàn, nhóm đối tượng được xác định ưu tiên phát triển.

Ưu tiên ban hành các quy định pháp luật tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp và các quy định pháp luật về đầu tư, kinh doanh, góp phần đưa môi trường đầu tư của Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN vào năm 2028.

Phân định rõ những nội dung phải được quy định bằng luật và những nội dung được quy định trong từng loại văn bản dưới luật theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nghiên cứu bổ sung một số nội dung cần được quy định trong văn bản luật liên quan đến hạn chế quyền, đặt ra nghĩa vụ mới, biện pháp chế tài đối với người dân, doanh nghiệp.

Tiến hành tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam; tuyệt đối không để cài cắm lợi ích, tác động tiêu cực đến cấu trúc hệ thống pháp luật; đổi mới mạnh mẽ công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật theo hướng văn bản hợp nhất là căn cứ chính thức trong viện dẫn và áp dụng pháp luật, được trình và đăng tải đồng thời với văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung.

Hoàn thiện cơ chế giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh và cơ chế hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo hướng xác định rõ chủ thể có thẩm quyền, nguyên tắc, quy trình giải thích và hướng dẫn áp dụng.

Nghiên cứu cơ chế đẩy nhanh việc thể chế hoá chủ trương, định hướng của Đảng thành pháp luật.

Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của Quốc hội trong hoạt động lập pháp theo hướng tăng hợp lý số kỳ họp của Quốc hội, nhất là thông qua hình thức trực tuyến, gắn với phát huy vai trò của đại biểu Quốc hội chuyên trách, các đoàn đại biểu Quốc hội.

Trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nghiên cứu cơ chế cho phép Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ được ban hành văn bản điều chỉnh quy định của luật trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách mà Quốc hội không thể họp được hoặc điều chỉnh nội dung mang tính kỹ thuật để giải quyết ngay một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Đẩy mạnh truyền thông chính sách, pháp luật; chăm lo xây dựng đội ngũ người làm công tác tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật; tăng cường tính chuyên nghiệp trong công tác soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng cơ chế đánh giá văn bản quy phạm pháp luật sau ban hành; đẩy

nhanh tiến trình chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Tổ chức thực hiện - Đảng uỷ Quốc hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khoá XVI, Chương trình lập pháp năm 2026 và các năm tiếp theo; tiến hành tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật theo định hướng tại Kết luận này.

Đảng uỷ Chính phủ bám sát các giải pháp của Đề án, chỉ đạo các cơ quan có liên quan nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, phân định rõ hơn thẩm quyền lập pháp, lập quy, xác định rõ những nội dung cần được quy định trong từng loại văn bản quy phạm pháp luật; chỉ đạo các đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp của Đề án trong phạm vi lĩnh vực bộ, cơ quan ngang bộ phụ trách; chỉ đạo Đảng uỷ Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới và sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 2 năm 2026, có hiệu lực từ ngày 01/3/2027.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền địa phương các cấp thực hiện các giải pháp của Đề án trong phạm vi địa phương

Đảng uỷ Bộ Tư pháp - Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật theo dõi, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kết luận; báo cáo Bộ Chính trị theo quy định.

*Nguồn: vietnamplus.vn*

## CHẠM NHẬT NGÀY 01/4/2026, BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NHIỆM KỲ 2026 - 2031 ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

Ngày 17/3/2026, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Chỉ thị số 08/CT-TTg về tổ chức kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 và tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp.

Chỉ thị nêu rõ: Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo sâu sắc, toàn diện của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm; sự chỉ đạo thống nhất, quyết liệt của Hội đồng bầu cử Quốc gia và của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị, sự đoàn kết, đồng lòng của các tầng lớp Nhân dân, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được tổ chức vào ngày 15/3/2026 đã thành công rất tốt đẹp, bảo đảm dân chủ, minh bạch, công khai, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và Ngày bầu cử thực sự là Ngày hội của toàn dân. Để tiếp tục triển khai các công việc sau ngày bầu cử, khẩn trương tổ chức kỳ họp thứ

nhất của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 và tổ chức hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp hiệu lực, hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

## **1. Khẩn trương tổ chức kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031**

a) Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy:

- Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã thực hiện chỉ đạo của Đảng ủy Quốc hội tại Văn bản số 401-CV/ĐUQH ngày 17/3/2026.

- Chuẩn bị tốt công tác nhân sự để tổ chức Kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản pháp luật liên quan, bảo đảm bộ máy chính quyền địa phương nhiệm kỳ 2026 – 2031 đi vào hoạt động chậm nhất ngày 01/4/2026. Trường hợp đặc biệt chưa tổ chức được Kỳ họp thứ nhất trước ngày 31 tháng 3 năm 2026 do chưa bố trí được nhân sự giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2026 – 2031, đề nghị báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn các chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân các cấp; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy viên Ủy ban nhân dân các cấp; chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất ngày 31/3/2026; đồng thời chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất ngày 31/3/2026.

- Lãnh đạo, chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh báo cáo về kết quả kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ chậm nhất ngày 03/4/2026.

b) Giao Bộ Nội vụ:

- Chủ động phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định; phối hợp với Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, chậm nhất 17h ngày 31/3/2026, để bảo đảm bộ máy chính quyền địa phương nhiệm kỳ 2026 - 2031 đi vào hoạt động chậm nhất ngày 01/4/2026.

- Tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, chậm nhất ngày 05/4/2026.

## **2. Về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp**

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ:

- Tiếp tục triển khai nghiêm túc các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tiếp tục rà soát toàn bộ nội dung nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền tại các Nghị định của Chính phủ trên lĩnh vực, ngành để đánh giá tính khả thi và hiệu quả của nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương, kịp thời sửa đổi, bổ sung, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trong tổ chức thực hiện, báo cáo Chính phủ (qua Bộ Nội vụ để tổng hợp), hoàn thành chậm nhất ngày 15/4/2026.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương để giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ, nhất là ở cấp xã.

- Các bộ: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương tiếp tục hướng dẫn chính quyền địa phương, nhất là cấp xã về quy trình, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý, bảo đảm thực hiện thuận lợi, thông suốt, hiệu quả, hoàn thành chậm nhất tháng 6/2026.

b) Giao Bộ Nội vụ tiếp tục phát huy vai trò cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo của Chính phủ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; tổng hợp tình hình, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh; chuẩn bị các nội dung sơ kết 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp (tháng 6/2026). Nghiên cứu tiếp tục bổ sung, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức bộ máy, biên chế, quản lý công chức, viên chức; phối hợp với các bộ, ngành hướng dẫn địa phương tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Triển khai nghiêm túc các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các Ban, bộ, ngành Trung ương.

- Rà soát, đánh giá tính khả thi và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ, báo cáo Chính phủ (qua Bộ Nội vụ) chậm nhất ngày 15/4/2026.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp cấp xã theo các văn bản pháp luật và chỉ đạo của trung ương; đồng thời hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn theo Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW.

- Khẩn trương triển khai kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Thông báo số 21-TB/VPTW ngày 07/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng. Rà soát, đánh giá tổng thể đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, xây dựng phương án bổ sung biên chế khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp (tháng 4/2026). Tập trung bồi dưỡng kiến thức quản lý cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý sau kiện toàn các chức danh của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Rà soát, bố trí, xử lý trụ sở, tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; cải tạo, mua sắm tài sản công theo quy định và hướng dẫn của Trung ương, bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cấp xã hoạt động.

- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng số và trang thiết bị đầu cuối, bảo đảm kết nối thông suốt giữa các cấp chính quyền từ Trung ương đến cấp xã; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, chuẩn hóa quy trình công việc, bảo đảm giải quyết nhanh gọn, công khai, minh bạch. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa tài liệu lưu trữ gắn với vận hành chính quyền địa phương 02 cấp theo hướng đồng bộ, thống nhất.

- Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (qua Bộ Nội vụ) kết quả tình hình thực hiện vào ngày 25 hàng tháng; tổ chức sơ kết 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm tổ chức quán triệt, triển khai nghiêm túc Chỉ thị này; kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

*Phuong Nhung, Trung tâm Công nghệ thông tin*

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH: MỞ RỘNG ĐỐI TƯỢNG, NÂNG MỨC THU NHẬP ĐƯỢC THỤ HƯỞNG NHÀ Ở XÃ HỘI

Sáng ngày 20/3/2026, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì cuộc họp của Thường trực Chính phủ, nghe báo cáo, cho ý kiến về các chính sách nhà ở xã hội và các vấn đề liên quan.

Theo các báo cáo, ý kiến tại cuộc họp, trong thời gian qua, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hệ thống thể chế, chính sách về phát triển nhà ở xã hội tiếp tục được hoàn thiện một bước quan trọng, ngày càng đồng bộ, thuận lợi, linh hoạt, sát thực tiễn, bao gồm 1 luật, 1 nghị quyết thí điểm của Quốc hội, 5 nghị định của Chính phủ, 1 nghị quyết của Chính phủ xử lý khó khăn, vướng mắc và 3 thông tư của Bộ trưởng Xây dựng, tạo nền tảng pháp lý vững chắc để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ phân khúc nhà ở xã hội trong thời gian qua, cũng như giai đoạn tới.

Tại Phiên họp thứ sáu của Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản, Thủ tướng Chính phủ đã kết luận, chỉ đạo: Bộ Xây dựng nghiên cứu theo hướng xây dựng cơ chế, chính sách để mở rộng phạm vi đối tượng mua nhà ở xã hội (nghiên cứu mở rộng đối tượng có thu nhập 25-30 triệu đồng/tháng) để tránh chồng chéo, bảo đảm khả thi; lấy ý kiến các bộ, cơ quan, địa phương và đăng tải lên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến rộng

rãi của người dân, các doanh nghiệp, các hiệp hội .... (nếu mở rộng mức thu nhập thì tập trung nghiên cứu sửa ngay các văn bản quy phạm pháp luật).

Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Xây dựng đã nghiên cứu, xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

Phát biểu kết luận, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chỉ đạo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 100/2024/NĐ-CP theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng mức thu nhập, cụ thể là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân thì có thu nhập bình quân hàng tháng không quá 25 triệu đồng; người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân đang nuôi con dưới tuổi thành niên thì thu nhập bình quân hàng tháng không quá 35 triệu đồng; trường hợp đã kết hôn thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập bình quân hàng tháng không quá 50 triệu đồng.

Cùng với đó, mở rộng chính sách, khuyến khích các địa phương, tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp xây dựng nhà ở cho thuê theo quy hoạch, đối tượng thuê là công nhân, người lao động.

Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Công an xây dựng thủ tục xác nhận đối tượng thụ hưởng chính sách nhà ở xã hội qua ứng dụng VNeID để đơn giản, thuận lợi hơn với người dân, doanh nghiệp.

Đồng thời, nghiêm cấm, có chế tài xử lý các cá nhân, tổ chức lợi dụng chính sách để trục lợi, bảo đảm chính sách đến đúng đối tượng. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định liên quan không chế giá nhà ở xã hội và lợi nhuận định mức. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chính sách nhà ở xã hội cho cán bộ, công nhân, người lao động.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu Bộ Xây dựng căn cứ các ý kiến tại cuộc họp và tiếp tục lắng nghe ý kiến nhân dân, doanh nghiệp, đối tượng tác động, các chuyên gia... để tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ, tiếp tục hoàn thiện chính sách, triển khai nhanh theo trình tự rút gọn, Bộ Tư pháp thẩm định, các cơ quan trình Chính phủ trước ngày 25/3/2026.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## CẤP XÃ KHÔNG CHỈ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, MÀ CÒN KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

Ngày 18/3/2026, trong chương trình công tác tại An Giang, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà đã kiểm tra tình hình hoạt động của mô hình chính quyền địa phương hai cấp tại phường Vĩnh Tế.

Trước khi làm việc với lãnh đạo tỉnh An Giang và phường Vĩnh Tế, Phó Thủ tướng đã trực tiếp khảo sát Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Vĩnh Tế, thăm hỏi, động viên

đội ngũ cán bộ. Qua thực tế kiểm tra, Phó Thủ tướng đánh giá cao cơ sở vật chất, cách tổ chức vận hành cũng như tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức tại đây.

Theo lãnh đạo phường Vĩnh Tế, sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bộ máy được sắp xếp tinh gọn với 3 phòng chuyên môn, cơ bản vận hành ổn định, thực hiện tốt chức năng tham mưu và quản lý nhà nước. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tinh thần trách nhiệm, từng bước thích ứng với mô hình mới.

Tuy nhiên, áp lực công việc ngày càng gia tăng trong khi vẫn còn thiếu nhân lực chuyên sâu ở một số lĩnh vực như đất đai, xây dựng, nội vụ, chuyển đổi số. Tình trạng kiêm nhiệm, quá tải cục bộ vẫn xảy ra ở một số vị trí.

Các đơn vị sự nghiệp công lập như giáo dục, y tế tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu của người dân. Công tác cải cách hành chính đạt nhiều kết quả tích cực, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn cao, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ.

Trong thực hiện phân cấp, phân quyền, phường đã chủ động triển khai nhiệm vụ, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Tuy vậy, vẫn còn tồn tại tình trạng chồng chéo quy định và hạn chế về năng lực chuyên môn ở một số vị trí.

Phường Vĩnh Tế kiến nghị Trung ương điều chỉnh khung biên chế cán bộ, công chức cấp xã phù hợp với quy mô dân số, đặc điểm địa bàn và khối lượng công việc; đồng thời ban hành chế độ phụ cấp chức vụ đối với các chức danh thuộc khối Đảng và Hội đồng nhân dân cấp xã.

Báo cáo tại buổi làm việc, Chủ tịch UBND tỉnh An Giang Hồ Văn Mừng cho biết, tỉnh đã triển khai nghiêm túc mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm vận hành thông suốt, hiệu quả. Bộ máy hành chính được sắp xếp tinh gọn, giảm đầu mối trung gian, góp phần tiết kiệm ngân sách và nâng cao hiệu lực điều hành. Cấp xã phát huy tính chủ động, nhiều Trung tâm Phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả.

Tỉnh kiến nghị Trung ương tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách; đẩy mạnh chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tăng đầu tư cho giáo dục, y tế và có chính sách đãi ngộ phù hợp. Hiện tỉnh có 102 đơn vị hành chính cấp xã, phường, đặc khu; trong đó có 3 đặc khu là Phú Quốc, Kiên Hải, Thổ Châu. Tỉnh đang đề xuất cơ chế đặc thù, nhất là đối với đặc khu Phú Quốc.

### **Cấp xã phải chuyển sang vai trò kiến tạo phát triển**

Phát biểu tại buổi làm việc, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà bày tỏ phần khởi trước kết quả phát triển của An Giang, nhất là trong bối cảnh cả nước vừa tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà yêu cầu địa phương khẩn trương triển khai các nhiệm vụ sau bầu cử theo chỉ đạo của Trung ương, mà mới đây là Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 17/3/2026 về tổ chức kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 và tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp, để bảo đảm bộ máy chính quyền địa phương nhiệm kỳ 2026 - 2031 đi vào hoạt động chậm nhất ngày 01/4/2026.

Đánh giá tổng thể, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ghi nhận An Giang đạt nhiều kết quả nổi bật: Tăng trưởng kinh tế đạt 8,39%, đứng đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; thu ngân sách năm 2025 khoảng 26.000 tỷ đồng; quốc phòng, an ninh được giữ vững; mô hình chính quyền hai cấp được triển khai hiệu quả.

Tuy nhiên, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cũng cho rằng chất lượng đội ngũ cán bộ chưa đồng đều; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền chưa toàn diện; yêu cầu chuyển đổi số còn cấp bách.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng trong năm 2026 là nâng cao hiệu lực, hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp, gắn với mục tiêu tăng trưởng từ 10% trở lên. Để đạt mục tiêu này, cấp xã không chỉ phục vụ người dân, mà còn kiến tạo phát triển. Điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở phải nâng cao nhận thức, chủ động thay đổi tư duy, nắm vững chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền để điều hành nhanh nhạy, linh hoạt trước mọi bối cảnh.

### **Tập trung hoàn thiện bộ máy, rà soát, đánh giá toàn diện đội ngũ cán bộ, công chức**

Theo đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà yêu cầu An Giang tập trung rà soát, sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy và tiếp tục củng cố đội ngũ cán bộ. Sau bầu cử, cần khẩn trương kiện toàn nhân sự, bảo đảm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản trị ở cơ sở.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, Trung ương dự kiến giao biên chế trong thời gian tới, vì vậy các địa phương phải chủ động cơ cấu lại theo định mức từng loại đơn vị hành chính. Việc bố trí cần linh hoạt, phù hợp thực tiễn, không máy móc, không vượt khung. Bên cạnh đó, tỉnh cần tiếp tục sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả, không ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ giáo dục, y tế. Đồng thời, tiếp tục củng cố các đơn vị sự nghiệp hiện có và từng bước hoàn thiện mô hình các trung tâm dịch vụ tổng hợp theo hướng đồng bộ, hiệu quả.

Một nhiệm vụ quan trọng khác là rà soát, đánh giá toàn diện đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, nhất là công chức cấp xã; kịp thời phát hiện, xử lý khó khăn, vướng mắc, bảo đảm mô hình vận hành hiệu quả. Việc đánh giá phải thực hiện nghiêm theo các kết luận của Trung ương.

Cùng với đó, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng địa phương chủ động, chịu trách nhiệm. Việc phân cấp cần linh hoạt, phù hợp thực tiễn và gắn với phân bổ nguồn lực, nhất là ngân sách.

Cấp xã phải nắm chắc nhiệm vụ thuộc thẩm quyền, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được ủy quyền; đồng thời tiếp tục rà soát để kiến nghị điều chỉnh phù hợp.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

# PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ MAI VĂN CHÍNH KHẢO SÁT VÀ LÀM VIỆC VỀ THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP TẠI TÂY NINH

Ngày 19/3/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Mai Văn Chính cùng đoàn công tác đã khảo sát và làm việc với Ủy ban nhân dân xã Bến Cầu và phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh về thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp.

Báo cáo với đoàn công tác, ông Hồ Võ Thái Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bến Cầu cho biết, sau gần 9 tháng vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tình hình kinh tế - xã hội của xã duy trì phát triển ổn định; việc phục vụ người dân, doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công được thực hiện hiệu quả, tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn giảm, chỉ số phục vụ ngày càng được nâng lên. An ninh trật tự, an toàn xã hội trong nội địa và khu vực biên giới được giữ vững, không phát sinh vấn đề phức tạp.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, gắn với triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, qua đó từng bước nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu triển khai mô hình, khối lượng công việc phát sinh lớn, trong khi đội ngũ cán bộ, công chức còn mới, thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên việc xử lý công việc đôi lúc còn chậm. Bên cạnh đó, chức năng, nhiệm vụ của Phòng Kinh tế và Phòng Văn hóa - Xã hội bao quát nhiều lĩnh vực nhưng còn thiếu công chức có chuyên môn sâu về tài chính, quy hoạch, xây dựng, giáo dục và y tế, ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và y tế.

Ông Trần Minh Tâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Trảng Bàng cho biết, hiện nay việc bố trí nhân sự tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của phường còn thiếu so với nhu cầu. Cụ thể, tổng số biên chế được giao là 9 chỉ tiêu; hiện có 7 công chức đang làm việc (đạt 78%), còn thiếu 2 chỉ tiêu so với biên chế được giao.

Theo ông Trần Minh Tâm, những khó khăn trong giai đoạn đầu triển khai mô hình và cho biết các vướng mắc đã và đang từng bước được địa phương và tỉnh tháo gỡ. Trong đó, hệ thống mạng, phần mềm dùng chung, hệ thống quản lý văn bản điều hành còn xảy ra tình trạng gián đoạn; đội ngũ nhân lực được điều động từ nhiều địa phương khác nhau, chủ yếu từ các phường, xã cũ nên việc tiếp nhận, xử lý, tham mưu giải quyết thủ tục đôi lúc còn lúng túng.

Tại buổi làm việc, Phó Thủ tướng Chính phủ Mai Văn Chính biểu dương những kết quả đạt được của các địa phương và tỉnh Tây Ninh, đồng thời đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực của các đơn vị trong triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Phó Thủ tướng Chính phủ Mai Văn Chính đề nghị các địa phương tiếp tục rà soát, sắp xếp, phân bổ cán bộ, biên chế phù hợp; khắc phục tình trạng thiếu nhân lực và cán bộ chuyên môn sâu, nhất là trong các lĩnh vực quan trọng như y tế, giáo dục. Cùng với đó, cần xác định

rõ vị trí việc làm, nâng cao năng lực đội ngũ thông qua đào tạo, bồi dưỡng, đổi mới phương pháp làm việc theo hướng phục vụ, kiến tạo, chủ động hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phát triển kinh tế, giải quyết khó khăn.

Các địa phương cũng cần đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành; số hóa các lĩnh vực, đặc biệt trong hành chính công; kết nối, khai thác hiệu quả dữ liệu từ Đề án 06 của Bộ Công an với hệ thống trung tâm hành chính công. Đồng thời, quan tâm nâng cao năng lực cán bộ cơ sở, kịp thời nhận diện, khắc phục những hạn chế, tránh lãng phí nguồn lực.

Phó Thủ tướng Chính phủ Mai Văn Chính cũng lưu ý việc kiến nghị, đề xuất phân bổ biên chế, nguồn lực phù hợp với quy mô dân số, diện tích; phát huy thẩm quyền của địa phương trong bố trí kinh phí, bảo đảm điều kiện hoạt động.

Song song đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Mai Văn Chính yêu cầu các địa phương tiếp tục giữ vững ổn định tình hình kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh; bảo đảm kinh tế phát triển, đời sống nhân dân ổn định. Đồng thời, chú trọng thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, kiểm soát lạm phát, góp phần giữ vững đà phát triển chung của đất nước.

*Nguồn: baotintuc.vn*

## SỬA LUẬT THỦ ĐÔ: PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN TỐI ĐA, TOÀN DIỆN CHO CHÍNH QUYỀN HÀ NỘI

Tiếp tục Phiên họp thứ 55, chiều ngày 18/3/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật Thủ đô (sửa đổi).

Trình bày về nội dung cơ bản của dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi), Thứ trưởng Bộ Tư pháp Phan Chí Hiếu cho biết, dự thảo Luật gồm 9 chương 36 điều, giảm 18 điều so với luật hiện hành. Với cách tiếp cận mới trong xây dựng luật theo tinh thần của Nghị quyết số 66-NQ/TW và các quan điểm xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi), thay vì quy định cụ thể các nội dung như tại Luật Thủ đô số 39/2024/QH15, dự thảo Luật tập trung phân quyền cho Thành phố quyết định, tạo không gian tối đa cho sự sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của chính quyền Thủ đô; đồng thời tăng cường yêu cầu về kiểm soát quyền lực, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

Dự thảo Luật đã sửa đổi hầu hết các quy định tại Luật Thủ đô số 39/2024/QH15: Các quy định chung, quy định về tổ chức chính quyền, chế độ công vụ; quy hoạch, xây dựng và trật tự, an toàn Thủ đô; phát triển văn hóa - xã hội; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nguồn lực phát triển Thủ đô; liên kết, phát triển vùng; giám sát, kiểm tra và trách nhiệm giải trình; điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành. Việc sửa đổi, hoàn thiện thực hiện theo hướng: Khẳng định địa vị pháp lý đặc thù của Thủ đô; giá trị pháp lý đặc thù, được ưu tiên áp dụng tại Thủ đô của Luật Thủ đô.

Dự thảo Luật cũng quy định về nguyên tắc áp dụng Luật Thủ đô, trong đó giao Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền quyết định việc áp dụng trong trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn.

Sửa đổi các quy định để bảo đảm Luật chỉ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 66-NQ/TW, phân cấp, phân quyền tối đa, toàn diện cho chính quyền Thành phố được quy định, quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền trong tất cả lĩnh vực nhằm tăng tính chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền Thành phố Hà Nội; cùng với đó là hoàn thiện các quy định về giám sát, kiểm tra và trách nhiệm giải trình.

Ngoài ra, dự thảo Luật cũng bổ sung các quy định về nguyên tắc phân quyền cho chính quyền Thủ đô; bổ sung quy định về thẩm quyền xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền Thành phố Hà Nội; Quy định về thí điểm cơ chế, chính sách nhằm xác lập khuôn khổ pháp lý cho việc thử nghiệm các mô hình, giải pháp quản lý và phát triển mới; bổ sung quy định về công dân ưu tú Thủ đô và giao Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền quy định về điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu này; bổ sung quy định về thu hồi đất để thực hiện các dự án cần triển khai ngay theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội; Quy định về phát triển khu kinh tế tự do, khu thương mại tự do và loại hình kinh tế mới; bổ sung quy định về trách nhiệm giải trình của chính quyền Thành phố. Đồng thời, xác lập cơ chế loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý đối với người đứng đầu, công chức, viên chức và cá nhân tham gia xây dựng, ban hành, thi hành Luật và các văn bản liên quan, trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định, thực hiện đúng thẩm quyền, không vụ lợi nhưng vẫn phát sinh thiệt hại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

### **Việc phân quyền phải bảo đảm “6 rõ”**

Thẩm tra sơ bộ dự án Luật Thủ đô (sửa đổi), Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật và Tư pháp Hoàng Thanh Tùng cho biết, Thường trực Ủy ban và các cơ quan tham gia thẩm tra tán thành việc sửa đổi toàn diện Luật Thủ đô năm 2024 và 5 quan điểm xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) như đã nêu tại Tờ trình của Chính phủ.

Về việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô trong dự thảo Luật, Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp đề nghị tiếp tục quán triệt yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị trong cách thức quy định các điều khoản trong dự thảo Luật một cách nhất quán. Cụ thể, đối với những nội dung phân quyền cụ thể hoặc liên quan đến nội dung Hiến pháp xác định là phải được quy định bằng luật thì quy định cụ thể thẩm quyền của từng cơ quan trong dự thảo Luật; đối với các nội dung phân quyền chung về cơ chế, chính sách thì quy định khái quát nhưng phải có ràng buộc nhất định về yêu cầu, về kết quả, sản phẩm đạt được và lộ trình cụ thể theo đúng nguyên tắc: Luật trao quyền, cho cơ chế, chính sách và kiểm soát kết quả - Thủ đô chủ động quyết định các biện pháp để tổ chức thực hiện đạt kết quả, hiệu quả cao nhất.

Về một số nội dung cụ thể của dự thảo luật, Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu làm rõ phạm vi lĩnh vực được phép ban hành quy định khác với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, chỉ nên giới hạn trong những lĩnh vực gắn với yêu cầu quản trị đô thị đặc thù hoặc cần thử nghiệm chính sách mới; quy định rõ nguyên tắc, điều kiện và quy trình ban hành các văn bản này, bao gồm yêu cầu đánh giá tác động chính sách và tham vấn các cơ quan, tổ chức có liên quan; thiết kế cơ chế áp dụng có thời hạn hoặc theo hình thức thí điểm đối với các quy định khác với quy định chung, kèm theo trách nhiệm báo cáo, giám sát và tổng kết việc thực hiện để kịp thời điều chỉnh khi phát sinh bất cập; xác định rõ đây là cơ chế hết sức đặc thù, chỉ áp dụng riêng cho Thủ đô Hà Nội mà không áp dụng cho các địa phương khác.

Về các nội dung phân quyền cho Thủ đô trong các lĩnh vực, Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp và các cơ quan tham gia thẩm tra đề nghị rà soát toàn bộ các quy định về phân quyền trong dự thảo Luật theo các nguyên tắc: Việc phân quyền phải bảo đảm yêu cầu 6 rõ: “Rõ người, rõ việc, rõ quy trình (trách nhiệm), rõ thời gian, rõ sản phẩm (kết quả) và rõ hiệu quả”.

Theo tinh thần này, dự thảo Luật cần làm rõ tiêu chí, nguyên tắc phân định thẩm quyền giữa các chủ thể của chính quyền Thành phố: Loại quyền nào giao cho Hội đồng nhân dân, loại quyền nào giao cho Ủy ban nhân dân; khi nào thì phân quyền cho tập thể Ủy ban nhân dân và cá nhân Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cơ chế kiểm soát, giám sát trong việc thực hiện các quyền này như thế nào để bảo đảm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm”. Cần có sự phân biệt, làm rõ nội dung nào là giao quyền tự chủ cho Thành phố tự quyết định các nội dung phù hợp với đặc điểm, yêu cầu phát triển đặc thù của Thành phố (được phân quyền trong Luật Thủ đô) và nội dung nào là thí điểm cơ chế, chính sách khác quy định của luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên (Điều 9) để áp dụng trình tự, thủ tục và các yêu cầu, giới hạn cụ thể khác nhau nhằm bảo đảm “rõ việc, rõ quy trình, rõ trách nhiệm”...

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## BỘ NỘI VỤ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI VỀ XỬ LÝ KỶ LUẬT VIÊN CHỨC

Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến về dự thảo nghị định quy định về xử lý kỷ luật viên chức. Dự thảo nhằm hoàn thiện khung pháp lý, giải quyết những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong sử dụng và quản lý viên chức.

Theo Bộ Nội vụ, việc ban hành Nghị định nhằm thể chế hóa các quy định của Đảng, Luật Viên chức năm 2025 về xử lý kỷ luật viên chức; bảo đảm thống nhất khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương sang 2 cấp (cấp tỉnh, cấp xã) sau khi Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) năm 2025 có hiệu lực thi hành. Đồng thời, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong sử dụng và quản lý viên chức.

Dự thảo Nghị định gồm 5 chương và 27 điều quy định cụ thể về các hành vi vi phạm và hình thức kỷ luật đối với viên chức; thẩm quyền và trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với viên chức, người đã thôi việc, nghỉ hưu; một số quy định khác có liên quan đến xử lý kỷ luật như: quy định liên quan khi xem xét xử lý kỷ luật, quy định liên quan sau khi có quyết định kỷ luật đối với viên chức, chế độ, chính sách đối với trường hợp đang trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam, tạm đình chỉ công tác hoặc tạm đình chỉ chức vụ, khiếu nại quyết định xử lý kỷ luật...

#### **4 hình thức kỷ luật viên chức**

Theo dự thảo, có 4 hình thức kỷ luật đối với viên chức gồm: Khiển trách; cảnh cáo; cách chức (áp dụng đối với viên chức quản lý) và buộc thôi việc.

Viên chức bị kỷ luật bằng một trong các hình thức nêu trên còn bị hạn chế thực hiện hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật có liên quan.

Đáng chú ý, dự thảo quy định trường hợp viên chức bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị kết án về tội phạm tham nhũng thì đương nhiên bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Đối với trường hợp viên chức quản lý phạm tội bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ được bổ nhiệm.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng quy định rõ các trường hợp viên chức bị xem xét xử lý kỷ luật, bao gồm các hành vi vi phạm quy định của Đảng và pháp luật liên quan đến hoạt động nghề nghiệp; vi phạm các quy định về nghĩa vụ của viên chức; những việc viên chức không được làm; vi phạm đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao tiếp ở công sở, giao tiếp với Nhân dân; vi phạm nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị...

#### **Bổ sung quy định về các trường hợp loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm kỷ luật**

Một trong những điểm đáng chú ý là dự thảo bổ sung quy định cụ thể về các trường hợp loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm kỷ luật đối với viên chức.

Theo dự thảo, các trường hợp loại trừ kỷ luật được thực hiện theo quy định của Bộ luật Hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đối với trường hợp vi phạm có một hoặc một số tình tiết sau thì được miễn kỷ luật:

a) Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi có hành vi vi phạm.

b) Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm trong tình thế cấp thiết, do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự và pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi thi hành công vụ.

c) Đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, không vụ lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng có gây ra thiệt hại vì lý do khách quan.

d) Thực hiện đề xuất về đổi mới, sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền cho phép và được cấp có thẩm quyền xác định đã thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung nhưng có thiệt hại xảy ra.

đ) Có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật nhưng đã qua đời.

e) Các trường hợp khác theo quy định của của Bộ luật Hình sự và quy định của cấp có thẩm quyền.

Đồng thời, dự thảo cũng quy định trường hợp viên chức vi phạm có một hoặc một số tình tiết sau thì được giảm nhẹ mức kỷ luật. Cụ thể:

a) Chủ động báo cáo vi phạm, tự giác nhận trách nhiệm cá nhân về khuyết điểm, vi phạm và tự nhận hình thức kỷ luật tương xứng với nội dung, tính chất, mức độ vi phạm trước và trong quá trình kiểm tra, giám sát.

b) Chủ động cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, phản ánh đầy đủ, trung thực về những người cùng vi phạm.

c) Chủ động chấm dứt hành vi vi phạm, tích cực tham gia ngăn chặn hành vi vi phạm; tự giác nộp tài sản tham nhũng, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do mình gây ra.

**Đề xuất quy định đình chỉ, hoãn thi hành quyết định xử lý kỷ luật; hủy bỏ quyết định xử lý kỷ luật**

Ngoài ra, dự thảo cũng bổ sung quy định về việc đình chỉ, hoãn thi hành quyết định xử lý kỷ luật; hủy bỏ quyết định xử lý kỷ luật đối với các trường hợp đã có quyết định xử lý kỷ luật, cụ thể như sau:

a) Trường hợp đang thi hành quyết định kỷ luật mà có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về tạm đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ vụ án, tạm hoãn phiên tòa hoặc hoãn chấp hành hình phạt tù thì cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật hành chính ban hành quyết định tạm đình chỉ hoặc tạm hoãn thi hành quyết định xử lý kỷ luật theo quy định.

b) Trường hợp đã thi hành xong quyết định kỷ luật mà có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về loại trừ, miễn trách nhiệm hình sự thì cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật hành chính ban hành quyết định hủy bỏ quyết định xử lý kỷ luật hành chính đã thi hành và xóa hình thức kỷ luật ghi vào lý lịch của viên chức.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## NHIỀU BỘ, ĐỊA PHƯƠNG CHƯA HOÀN TẤT KIỂM KÊ TÀI SẢN CÔNG

Ngày 12/3/2026, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 2961/BTC-QLCS về việc công khai tiến độ thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công. Theo dữ liệu cập nhật trên Phần mềm Tổng kiểm kê đến 17 giờ ngày 16/3/2026, tiến độ triển khai tại các bộ, ngành trung ương và địa phương vẫn còn nhiều điểm cần đẩy nhanh.

Ở khâu đăng ký đối tượng kiểm kê - bước đầu tiên của quá trình tổng kiểm kê, vẫn còn những đơn vị chưa hoàn tất. Cụ thể, 2 tổ chức gồm Hội Nhà văn Việt Nam và Trung ương Hội Người mù Việt Nam chưa có đơn vị đăng ký. Ngoài ra, một số cơ quan, tổ chức và địa phương cũng chưa hoàn thành việc đăng ký, trong đó có Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí

Minh; Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cùng các địa phương Quảng Trị, Sơn La, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng và Khánh Hòa.

Không chỉ dừng ở khâu đăng ký, tiến độ gửi báo cáo kiểm kê tài sản cố định cũng còn nhiều điểm cần lưu ý. Hiện vẫn có 3 tổ chức chưa phát sinh đơn vị gửi báo cáo, gồm Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Bên cạnh đó, một số lượng lớn cơ quan, địa phương có tỷ lệ gửi báo cáo dưới mức bình quân chung của cả nước (dưới 80%), phản ánh việc cập nhật dữ liệu chưa đồng đều, chưa theo kịp tiến độ chung.

Đáng chú ý, vẫn còn 10 tổ chức chưa truy cập chức năng báo cáo tiến độ kiểm kê trên Phần mềm Tổng kiểm kê để cập nhật thông tin, gồm: Trung ương Hội Người mù Việt Nam, Liên hiệp Các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam và Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em Việt Nam.

Theo Bộ Tài chính, việc chậm đăng ký đối tượng kiểm kê, chậm gửi báo cáo hoặc chưa cập nhật tiến độ trên hệ thống không chỉ ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp số liệu mà còn tác động trực tiếp đến chất lượng, độ đầy đủ của dữ liệu kiểm kê tài sản công trên phạm vi toàn quốc.

Bộ Tài chính đề nghị các cơ quan, tổ chức, địa phương nêu trên khẩn trương rà soát, hoàn thiện các nội dung còn tồn tại; đồng thời chủ động truy cập hệ thống phần mềm để cập nhật, báo cáo đầy đủ tiến độ kiểm kê theo quy định, bảo đảm tiến độ, chất lượng và tính chính xác của cuộc Tổng kiểm kê tài sản công, phục vụ công tác quản lý, sử dụng tài sản công hiệu quả trong thời gian tới.

*Nguồn: baonhandan.vn*

## NGHỊ QUYẾT SỐ 66-NQ/TW TRỞ THÀNH “LÒI HIỆU TRIỆU” CHO MỘT CUỘC CẢI CÁCH THỂ CHẾ SÂU RỘNG

Ngày 19/3/2026, Bộ Tư pháp tổ chức hội nghị sơ kết công tác tham mưu triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và quán triệt Kết luận số 09-KL/TW của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh chủ trì hội nghị.

Báo cáo tại hội nghị, Viện trưởng Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý Nguyễn Văn Cương cho biết, bám sát mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo Nghị quyết số 66-NQ/TW, Đảng ủy Bộ Tư

pháp đã tích cực tham mưu các cấp có thẩm quyền triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Qua đó, từng bước hiện thực hóa yêu cầu cải cách thể chế, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Theo ông Nguyễn Văn Cương, Nghị quyết số 66-NQ/TW đã thực sự trở thành “lời hiệu triệu” cho một cuộc cải cách thể chế sâu rộng. Trên cơ sở đó, nhiều quyết sách chiến lược, mang tính đột phá, thậm chí chưa có tiền lệ trong công tác xây dựng pháp luật đã được ban hành. Tư duy quản lý “không quản được thì cấm” từng bước được xóa bỏ, thay bằng cách tiếp cận kiến tạo phát triển, đưa thể chế từ “điểm nghẽn của điểm nghẽn” trở thành lợi thế cạnh tranh quốc gia.

Cùng với đó, việc thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng được đẩy nhanh, bảo đảm pháp luật kịp thời phản ánh và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được đổi mới căn bản theo hướng khoa học, minh bạch, rút ngắn thời gian nhưng vẫn bảo đảm chất lượng.

Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh gắn với hoàn thiện thể chế. Công tác thi hành pháp luật được chú trọng hơn, đặc biệt là việc rà soát, tháo gỡ các “điểm nghẽn” pháp lý trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống người dân và hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ngày càng đi vào nề nếp, có chuyển biến rõ rệt. Cơ chế đối thoại, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được các bộ, ngành triển khai tích cực, mang lại nhiều kết quả thiết thực.

Đáng chú ý, chuyển đổi số trong xây dựng và thi hành pháp luật được đẩy mạnh, hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu pháp luật từng bước được hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân, doanh nghiệp; chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật cũng được quan tâm hơn.

Sau một năm triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW, Đảng ủy Bộ Tư pháp - với vai trò là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật đã phát huy tốt vai trò đầu mối tham mưu, tổng hợp và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả của Ban Chỉ đạo.

Đặc biệt, Cơ quan Thường trực đã tham mưu tổ chức thành công 4 phiên họp của Ban Chỉ đạo, góp phần nâng cao chất lượng thảo luận và quyết sách. Các kết luận, thông báo được ban hành đều thể hiện sự chuẩn bị kỹ lưỡng, sự phối hợp chặt chẽ và tinh thần trách nhiệm cao của các cơ quan liên quan.

Thời gian tới, bám sát chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo và chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo, Đảng ủy Bộ Tư pháp xác định các nhóm nhiệm vụ trọng tâm tham mưu tổ chức triển khai về công tác xây dựng pháp luật, triển khai Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI và Chương trình lập pháp hàng năm.

Nhất là việc thể chế hóa ngay những quan điểm, chủ trương lớn trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng và các nghị quyết chiến lược, đột phá của Bộ Chính trị trong thời gian qua thành pháp luật, thực hiện tăng trưởng 2 con số.

Đồng thời, tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

Ngoài ra, công tác pháp luật quốc tế tiếp tục được tăng cường; ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu lớn và ứng dụng công nghệ số phục vụ công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật và bảo đảm nguồn lực tài chính cũng được xác định là nhiệm vụ then chốt.

Phát biểu kết luận, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh ghi nhận, đánh giá cao những ý kiến đóng góp tâm huyết, trách nhiệm của các đại biểu, đồng thời đề nghị Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý tiếp thu đầy đủ các ý kiến để hoàn thiện báo cáo.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp nhấn mạnh công tác tham mưu thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, với cách làm bài bản, phù hợp; đồng thời ghi nhận tinh thần đổi mới, bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm của đội ngũ cán bộ Bộ Tư pháp.

Chỉ ra một số hạn chế cần khắc phục, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh yêu cầu Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý tập trung nguồn lực tham mưu để Đảng ủy Bộ tiếp tục thực hiện tốt vai trò Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo; triển khai hiệu quả các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 66-NQ/TW và Chương trình công tác năm 2026.

Trong đó, đặc biệt chú trọng hai nhiệm vụ trọng tâm: xây dựng đề án “Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới” và triển khai đề án “Hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh giao Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật khẩn trương nghiên cứu, tham mưu sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm bám sát tinh thần Kết luận số 09-KL/TW.

Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật được giao tiếp tục tăng cường công tác rà soát, kiểm tra, xử lý văn bản; tham mưu xây dựng Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật; triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản; nghiên cứu xây dựng khung tiêu chí đánh giá hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, tạo đột phá trong lĩnh vực này...

*Nguồn: vov.vn*

**TIN ĐỊA PHƯƠNG****HÀ NỘI TRIỂN KHAI 10 THỦ TỤC BẢO HIỂM XÃ HỘI,  
BẢO HIỂM Y TẾ TOÀN TRÌNH TỪ NGÀY 16/3/2026**

Sáng ngày 16/3/2026, thành phố Hà Nội chính thức vận hành tích hợp 10 dịch vụ hành chính công toàn trình trong lĩnh vực Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế tại hệ thống các Trung tâm Phục vụ hành chính công. Đây được xem là bước đi quan trọng nhằm hiện thực hóa Đề án 06, thúc đẩy chuyển đổi từ tư duy “quản trị” sang “phục vụ”, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả.

10 dịch vụ toàn trình được triển khai đợt này bao gồm 8 nghiệp vụ về thu và 2 nghiệp vụ về chế độ chính sách. Cụ thể, danh mục các dịch vụ bao gồm: Đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên Cổng Dịch vụ công; đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế; cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; chuyển hình thực nhận lương hưu sang tài khoản ngân hàng...

Sự khác biệt lớn nhất khi triển khai dịch vụ công toàn trình là người dân không cần phải đến trực tiếp cơ quan bảo hiểm xã hội. Người dân chỉ cần thực hiện một số bước đơn giản trên môi trường điện tử thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) bao gồm:

(1) Đăng nhập: Truy cập hệ thống và chọn nút “Đăng nhập”.

(2) Xác thực: Chọn đăng nhập bằng tài khoản Định danh điện tử (VNeID) do Bộ Công an cấp. (3) Kết nối: Nhập số định danh cá nhân và mật khẩu hoặc quét mã QR qua ứng dụng VNeID trên thiết bị di động để hoàn tất đăng nhập.

(4) Tìm kiếm: Chọn mục “Thủ tục hành chính” và nhập từ khóa dịch vụ cần thực hiện (ví dụ: “Cấp lại thẻ BHYT”).

(5) Nộp hồ sơ: Chọn dịch vụ tương ứng và thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến theo hướng dẫn của hệ thống...

Việc thực hiện 10 dịch vụ công toàn trình trên có ý nghĩa thiết thực trong việc chuẩn hóa quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo hướng số hóa toàn bộ vòng đời thủ tục; tăng tính công khai, minh bạch trong xử lý hồ sơ.

Tại các chi nhánh và điểm tiếp nhận, cán bộ, công chức được bố trí hỗ trợ, hướng dẫn người dân tạo tài khoản, xác thực định danh điện tử, nộp hồ sơ trực tuyến, bảo đảm mọi đối tượng đều có thể tiếp cận dịch vụ công số, đặc biệt là người cao tuổi, người lao động tự do, lao động ngoại tỉnh. Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình giúp tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, minh bạch quy trình giải quyết thủ tục, tăng tiện ích cho người dân và doanh nghiệp. Qua đó góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực an sinh xã hội.

*Nguồn: vov.vn*

## THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TĂNG TỐC CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vừa ban hành kế hoạch chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh năm 2026 với mục tiêu đặt ra là nằm trong nhóm 3 địa phương dẫn đầu cả nước về chỉ số chuyển đổi số (DTI).

Để hiện thực hóa mục tiêu này, thành phố đưa ra các chỉ tiêu: Tỷ lệ phủ sóng 5G đạt 95%; 100% người dân có khả năng truy cập internet băng rộng cố định với tốc độ trên 1 Gbit/s; tốc độ tải xuống trung bình của mạng 5G đạt tối thiểu 100 Mbit/s. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển các dịch vụ số, đô thị thông minh và kinh tế số.

Ở trụ cột chính quyền số, nhiều chỉ tiêu mang tính “đột phá” được đưa ra: 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình; 80% giao dịch hành chính thực hiện theo hình thức “phi tiếp xúc”; 80% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 75% hồ sơ được xử lý trực tuyến, người dân chỉ phải cung cấp dữ liệu một lần; 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến – một chỉ số phản ánh trực tiếp chất lượng phục vụ.

Bên cạnh cải cách hành chính, Thành phố Hồ Chí Minh còn thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế số với mục tiêu quy mô kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP. Thành phố sẽ phát triển thêm ít nhất 1 khu công nghệ số tập trung, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số trong doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu vực chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế.

Ở góc độ xã hội số, các chỉ tiêu cũng rất cụ thể: 80% người dân từ 14 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử (VNeID); 30% dân số trưởng thành có chữ ký số. Những con số này cho thấy chuyển đổi số không chỉ là câu chuyện của cơ quan nhà nước hay doanh nghiệp, mà đã lan tỏa đến từng người dân, từng hộ gia đình.

Một điểm nhấn quan trọng khác là việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, Thành phố đặt mục tiêu có ít nhất 50% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong một hoặc nhiều khâu như tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định.

Song hành đó, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC), tích hợp dữ liệu từ nhiều lĩnh vực để phục vụ công tác điều hành theo thời gian thực. Việc thí điểm mô hình “bản sao số” (digital twin) trong quy hoạch, giao thông, xây dựng cũng đang được triển khai, cho phép mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định chính xác hơn.

Để đảm bảo an toàn, an ninh mạng, thành phố đặt mục tiêu 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được phê duyệt cấp độ an toàn; 100% hệ thống quan trọng được bảo đảm theo mô hình 4 lớp; đồng thời duy trì giám sát, kiểm tra thường xuyên. Việc vận hành Trung tâm An ninh mạng Thành phố sẽ là “lá chắn” quan trọng bảo vệ không gian số.

Đáng chú ý, kế hoạch cũng nhấn mạnh vai trò của người đứng đầu. Kết quả chuyển đổi số sẽ trở thành một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm, qua đó tạo áp lực thực chất, tránh tình trạng hình thức, chạy theo phong trào.

Nguồn: [cand.com.vn](#)

## SƠN LA CÔNG BỐ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

Ngày 17/3/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký ban hành Quyết định số 674/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường có những thay đổi quan trọng nhằm phù hợp với quy định pháp luật mới nhất. Theo đó, danh mục mới bao gồm các thủ tục thiết yếu phục vụ cá nhân, tổ chức trong hoạt động khoáng sản. Đáng chú ý có thủ tục “Khai thác thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản” với thời hạn giải quyết chỉ trong 5 ngày làm việc. Các tổ chức, cá nhân có thể thực hiện thủ tục này trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích và được miễn phí khi khai thác thông tin trên Cổng thông tin địa chất và khoáng sản quốc gia. Bên cạnh đó, các thủ tục khác như “Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản” hay “Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản” cũng đã được quy định rõ ràng về thời gian thẩm định và phê duyệt.

Quyết định cũng công bố 32 thủ tục hành chính cấp tỉnh được sửa đổi, bổ sung nhằm tối ưu hóa quy trình giải quyết. Điển hình, thủ tục “Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản” có thời hạn thẩm định hồ sơ là 70 ngày, với mức lệ phí được phân cấp rõ theo diện tích thăm dò (từ 4 triệu đến 15 triệu đồng/giấy phép). Việc thực hiện các thủ tục hành chính này được tập trung tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Bộ phận một cửa cấp xã.

Các thay đổi này, dựa trên các văn bản pháp luật quan trọng như Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, Luật sửa đổi năm 2025 và các nghị định hướng dẫn thi hành vừa có hiệu lực trong năm 2025 và đầu năm 2026.

Việc kịp thời công bố và minh bạch hóa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản khẳng định nỗ lực của tỉnh Sơn La trong việc cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi và môi trường đầu tư thông thoáng cho các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn.

Nguồn: [baosonla.vn](#)

## ĐIỆN BIÊN: CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

Kinh tế tư nhân được xác định là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng trong phát triển kinh tế của tỉnh Điện Biên. Tuy nhiên, trên thực tế không ít doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt ở lĩnh vực xây dựng. Thời gian qua, việc cắt giảm thủ tục hành chính tại Sở Xây dựng và việc triển khai cơ chế “luồng xanh” đã từng bước xóa bỏ rào cản, tạo môi trường đầu tư thông thoáng cho doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn.

Công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã có nhiều tiến triển song cộng đồng doanh nghiệp vẫn gặp những khó khăn, vướng mắc, chủ yếu ở tính phức tạp và thời gian thực hiện quy trình liên quan đến quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh đã kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chức năng có giải pháp tháo gỡ khó khăn, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong phát triển dự án. Cùng với đó, tháo gỡ tồn đọng liên quan đến công tác quy hoạch xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật và đô thị gây trở ngại trong phát triển kinh tế tư nhân.

Công ty Cổ phần gạch Tuynel công nghệ cao Điện Biên đã kiến nghị về tuyến đường phục vụ hoạt động vận chuyển của nhà máy hiện nay đã được quy hoạch làm sân vận động phường Mường Thanh. Tuy nhiên, sau khi quy hoạch sân vận động được thực hiện, hệ thống đường giao thông kết nối thay thế chưa được đầu tư dẫn đến việc đi lại, vận chuyển của nhà máy và người dân trên địa bàn gặp nhiều khó khăn.

Trước những phản hồi và kiến nghị từ doanh nghiệp, Sở Xây dựng đã phối hợp với cơ quan liên quan trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tập trung công tác quản lý quy hoạch xây dựng, chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng; hướng dẫn, tham gia ý kiến đối với thủ tục đầu tư xây dựng công trình mở theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chủ động tham mưu giải pháp tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích dòng vốn đầu tư, để tiếp tục hiện thực hóa chủ trương về đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và mở rộng quy mô đầu tư nhà ở xã hội tại xã Tuần Giáo.

Sở Xây dựng đã chủ động rà soát và tham mưu nhiều phương án cắt giảm thủ tục hành chính mang tính đột phá. Tính đến tháng 3/2026, Sở Xây dựng quản lý 198 thủ tục hành chính (trong đó có 159 thủ tục cấp tỉnh). Việc cắt giảm thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ đã đạt được kết quả quan trọng. Cụ thể, cắt giảm 30% thời gian giải quyết và từ 23% - 28% chi phí tuân thủ đối với 7 thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh; cắt giảm 13,33% thời gian giải quyết đối với thủ tục thuộc lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng; cắt giảm 30% thời hạn trong khâu xử lý, thẩm định nội bộ đối với thủ tục thuộc lĩnh vực nhà ở.

Điểm nhấn trong công tác cải cách hành chính của tỉnh là sự chủ động khi tỉnh ban hành Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 về cơ chế “luồng xanh”. Đây được xem là “vé thông hành” giúp doanh nghiệp tiết kiệm tối đa thời gian. Trong 23 danh mục thủ tục áp dụng cơ chế này, lĩnh vực xây dựng và đầu tư chiếm tỷ lệ lớn với mức cắt giảm đáng kể: Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư giảm từ 17 ngày xuống còn 6 ngày (giảm 64,7%); thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư giảm từ 10 ngày xuống còn 4 ngày (giảm 60%); thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập giảm từ 15 ngày xuống 10 ngày (giảm 33,33%); thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, nhiều thủ tục chuyên ngành được rút ngắn tương ứng từ 40 - 60% thời gian giải quyết so với quy định thông thường.

Việc áp dụng cơ chế “luồng xanh” giúp doanh nghiệp nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ pháp lý để khởi công công trình, dự án, giảm thiểu rủi ro biến động giá vật liệu, tận dụng tối đa chu kỳ kinh doanh và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Những nỗ lực trong công tác cải cách hành chính đang tạo ra động lực mới cho kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh. Cắt giảm thủ tục hành chính giúp giảm chi phí cơ hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và củng cố niềm tin đầu tư của doanh nghiệp.

*Nguồn: baodienbienphu.vn*

## THÁI NGUYÊN ĐỨNG THỨ 4 TOÀN QUỐC VỀ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Theo số liệu công bố trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 19/3/2026, tỉnh Thái Nguyên đạt 95,96 điểm, xếp thứ 4 toàn quốc, thuộc nhóm dẫn đầu về thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp. So với kỳ đánh giá trước (từ ngày 08/3 đến 17/3/2026), thứ hạng của tỉnh tăng 3 bậc, cho thấy chuyển biến rõ nét trong công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số.

Trong nhóm các sở, ngành, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đứng đầu với 96 điểm; Sở Tư pháp đạt 95,46 điểm; Sở Công Thương đạt 94,87 điểm; Sở Nông nghiệp và Môi trường tăng từ 88,92 lên 91,81 điểm.

Ở cấp cơ sở, xã Quảng Bạch dẫn đầu với 97,92 điểm; xã Phượng Tiến đạt 97,86 điểm; phường Bá Xuyên đạt 97,79 điểm. Nhóm 10 xã, phường đứng đầu duy trì mức điểm cao, dao động từ 97,65 đến 97,73 điểm, phản ánh sự ổn định, đồng đều trong giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả trên thể hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị trong đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số. Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp được đầu tư theo hướng hiện đại, vận hành hiệu quả, góp phần rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

Việc vươn lên nhóm dẫn đầu cả nước tạo động lực để Thái Nguyên tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

**\* Thái Nguyên triển khai mô hình “Chính quyền thân thiện, nhân dân phát huy quyền làm chủ”**

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên vừa ban hành kế hoạch triển khai mô hình “Chính quyền thân thiện, nhân dân phát huy quyền làm chủ” năm 2026 tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

Mô hình nhằm thực hiện hiệu quả Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về tăng cường, đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới; đồng thời nâng cao hiệu quả công tác tuyên giáo, dân vận trên địa bàn tỉnh trong năm 2026.

Qua đó nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của chính quyền cơ sở trong xây dựng nền hành chính phục vụ, thân thiện, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng bộ máy trong sạch, vững mạnh, gần dân, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở, tác phong làm việc, quy tắc ứng xử; xây dựng và thực hiện phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin” trong đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Việc triển khai mô hình nhằm phát huy vai trò tham gia của nhân dân trong thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật; duy trì, cải thiện và nâng cao các chỉ số như: Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) hằng năm.

Theo kế hoạch, việc xây dựng “Chính quyền thân thiện” tại các xã, phường trong năm 2026 phải được triển khai nghiêm túc, tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

*Nguồn: baothainguyen.vn*

## **BẮC NINH: QUÝ I/2026, TỶ LỆ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐÚNG HẠN ĐẠT TRÊN 98%**

Trong quý I/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính, đạt nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực.

Trong quý I, tỉnh đã công bố 1.013 thủ tục hành chính, trong đó có 126 thủ tục mới, 719 thủ tục được sửa đổi, bổ sung. 100% thủ tục hành chính được xây dựng quy trình nội bộ và quy trình điện tử, công khai trên các cổng thông tin.

Kết quả giải quyết hồ sơ đạt tỷ lệ cao, cấp tỉnh giải quyết đúng hạn 98,06%; cấp xã đạt 99,89%. Tỉnh cũng đẩy mạnh số hóa hồ sơ, với tỷ lệ số hóa đạt 93,75%, đồng thời tăng cường sử dụng dữ liệu số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính.

Công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được thực hiện kịp thời; trong quý đã xử lý 727/815 phản ánh, đạt hiệu quả cao.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 9 quyết định sắp xếp tổ chức, giảm 22 đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, tổ chức lại hệ thống y tế cơ sở với việc thành lập 99 trạm y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Công tác quản lý biên chế được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm đúng định hướng tinh giản của Trung ương, đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của từng cấp chính quyền.

Bắc Ninh tiếp tục phát triển hạ tầng số với 100% xã, phường kết nối mạng chuyên dùng; tỷ lệ phủ sóng 5G đạt 92%. Tỉnh vận hành hiệu quả 17 hệ thống nền tảng số dùng chung và đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời, triển khai nhiều giải pháp xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh, lấy người dân làm trung tâm, nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả quản lý nhà nước.

### **Tiếp tục đẩy mạnh cải cách, hướng tới nền hành chính hiện đại, hiệu quả**

Trong quý II/2026, Bắc Ninh tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính, bám sát chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, phân đầu duy trì vị trí trong nhóm dẫn đầu cả nước.

Trọng tâm là hoàn thiện thể chế; nâng cao chất lượng cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tăng cường kiểm tra kỷ luật, kỷ cương công vụ. Đồng thời, tinh tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Cùng với đó, tăng cường quản lý ngân sách, đẩy nhanh giải ngân đầu tư công; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và đô thị thông minh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

*Nguồn: baobacninh.tv.vn*

## **THANH HÓA: 100% THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tư pháp và quán triệt quan điểm của Tổng Bí thư Tô Lâm về việc “kiên quyết xóa bỏ cơ chế xin - cho”, ngày 16/3/2026, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa Lê Quang Hùng đã ký Công văn số 4504/UBND-HCC nhằm đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ.

Theo đó, trong năm 2026, tỉnh Thanh Hóa quyết tâm tạo ra bước đột phá với mô hình quản trị hiện đại, tập trung vào 3 mục tiêu trọng điểm:

- 100% thủ tục hành chính đặc thù của tỉnh nếu đủ điều kiện sẽ được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình, giúp người dân và doanh nghiệp có thể giải quyết công việc mọi lúc, mọi nơi.

- 100% thông tin, giấy tờ của doanh nghiệp trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp duy nhất một lần cho cơ quan nhà nước. Các dữ liệu này sẽ được kết nối, chia sẻ và tái sử dụng, xóa bỏ hoàn toàn tình trạng yêu cầu nộp bản sao hoặc kê khai lại các thông tin đã có sẵn trong cơ sở dữ liệu.

- 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh sẽ được quản trị và xử lý hoàn toàn trên môi trường điện tử, góp phần tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu suất công tác.

Để đạt được các con số trên, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ động rà soát, tham mưu cắt giảm các điều kiện kinh doanh rườm rà ngay trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính phải đi đôi với việc số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết, đảm bảo quy trình thực hiện thông suốt, không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh cũng giao Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc và giám sát tiến độ của từng đơn vị. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ này sẽ là nội dung riêng biệt trong báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp.

*Nguồn: baothanhhoa.vn*

## VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM ỨNG DỤNG CÔNG DÂN SỐ HÀ TĨNH TÍCH HỢP NỀN TẢNG PHẢN ÁNH HIỆN TRƯỜNG

Sáng ngày 17/3/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tổ chức Lễ công bố vận hành thử nghiệm Ứng dụng Công dân số Hà Tĩnh (i-HaTinh) tích hợp nền tảng phản ánh hiện trường.

Ứng dụng i-HaTinh được tỉnh Hà Tĩnh đưa vào vận hành thử nghiệm theo kế hoạch cấp bách về chuyển đổi số của tỉnh. Triển khai xây dựng từ cuối năm 2025, ứng dụng như một hệ sinh thái số toàn diện, nơi mỗi người dân có một "định danh số" để tương tác trực tiếp với cơ quan Nhà nước.

Không dừng lại ở việc cung cấp thông tin, i-HaTinh tiên tiến là một siêu ứng dụng trên nền tảng di động với định hướng một ứng dụng duy nhất. Người dân chỉ cần cài đặt ứng dụng i-HaTinh là có thể sử dụng tất cả các dịch vụ, kết nối các thông tin mà không cần cài đặt nhiều ứng dụng.

Việc vận hành thí điểm ứng dụng công dân số i-HaTinh tích hợp nền tảng phản ánh hiện trường cũng gắn với vận hành thí điểm nội dung giám sát, điều hành, thông minh của chính quyền số để từ đó đúc rút kinh nghiệm và từng bước tiến tới hình thành chính thức Trung tâm giám sát điều hành thông minh IOC của tỉnh. Người dân có thể gửi nội dung phản ánh kèm hình ảnh, video và vị trí GPS của hiện trường trên thiết bị di động, giúp cơ quan chức năng nhanh chóng xác định vị trí và xử lý vấn đề.

Người dân có thể theo dõi trạng thái xử lý phản ánh theo thời gian thực, bao gồm các bước đã tiếp nhận, đang xử lý, đã hoàn thành và biết được cơ quan nào đang chịu trách nhiệm giải quyết. Sau khi nhận kết quả xử lý, người dân có thể đánh giá mức độ hài lòng. Đây là căn cứ quan trọng để chính quyền đánh giá hiệu quả làm việc của các đơn vị, góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình và chất lượng phục vụ của các cơ quan nhà nước.

Tiếp đó, công dân, tổ chức có quyền tương tác với các kết quả xử lý. Trong trường hợp các tương tác có yêu cầu làm rõ chính đáng, cơ quan, tổ chức xử lý có trách nhiệm tương tác lại để làm rõ yêu cầu của công dân. Hệ thống gửi thông báo về điện thoại khi có cập nhật mới về phản ánh hoặc khi có thông báo khẩn cấp từ chính quyền.

Phát biểu tại buổi lễ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phan Thiên Định biểu dương Sở Khoa học và Công nghệ cùng các sở, ngành, địa phương đã nỗ lực phối hợp nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống trong thời gian qua. Đồng thời khẳng định, sự kiện này đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình thực hiện chuyển đổi số toàn diện của tỉnh, góp phần tăng cường tương tác giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp, hướng tới xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tại Hà Tĩnh.

Để Ứng dụng Công dân số Hà Tĩnh tích hợp nền tảng phản ánh hiện trường phát huy hiệu quả trong thực tiễn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị kỹ thuật đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt 24/7, tuyệt đối an toàn, an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu cá nhân của người phản ánh; thường xuyên lắng nghe phản hồi của người dùng để cập nhật, nâng cấp tính năng, đảm bảo ứng dụng dễ sử dụng, tinh gọn và hiệu quả; tiếp tục hoàn chỉnh ứng dụng, quy trình vận hành đảm bảo để triển khai hệ thống toàn tỉnh theo đúng quy trình, quy định.

Các xã, phường, người đứng đầu các đơn vị thực hiện dịch vụ công ích phải thực hiện tốt trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo tiếp nhận và xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hay trả lời phản ánh một cách đối phó.

Kết quả xử lý trên hệ thống sẽ là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn toàn tỉnh. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí, truyền thông tích cực phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia cài đặt, sử dụng ứng dụng, qua đó góp phần lan tỏa mạnh mẽ tiện ích của nền tảng công dân số đến toàn xã hội, đưa i-HaTinh thành công cụ quen thuộc trong sinh hoạt hằng ngày của mỗi gia đình, một kênh tương tác rộng rãi giữa chính quyền và Nhân dân Hà Tĩnh.

*Nguồn: baohatinh.vn*

## QUẢNG TRỊ: KHAI TRƯƠNG DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Chiều ngày 18/3/2026, tại phường Đồng Hới, Bưu điện tỉnh Quảng Trị tổ chức lễ khai trương “Đề án giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích tham gia một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

Tại buổi lễ, các đại biểu nghe công bố Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích tham gia một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh”.

Phát biểu tại lễ khai trương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Lê Hồng Vinh cho biết, thời gian qua, tỉnh triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để thúc đẩy cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử và tiến tới xây dựng chính quyền số. Hệ thống hạ tầng số từng bước được hoàn thiện, nhiều dịch vụ công trực tuyến được triển khai. Chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp từng bước được nâng cao.

Tuy nhiên, để chuyển đổi số thực sự đi vào chiều sâu và mang lại hiệu quả thiết thực, cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy quản trị, phương thức phục vụ và cách thức tổ chức thực hiện dịch vụ công.

Thông qua việc phát huy mạng lưới rộng khắp, gần dân của hệ thống bưu điện, dịch vụ hành chính công sẽ được mở rộng phạm vi tiếp cận, giúp người dân và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính thuận tiện hơn, nhanh chóng hơn và minh bạch hơn.

Việc Quảng Trị triển khai mô hình này không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trước mắt mà còn là bước chuẩn bị quan trọng cho việc hình thành hệ sinh thái dịch vụ công số, xây dựng chính quyền số, xã hội số và kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

Để mô hình này triển khai hiệu quả, đồng chí Lê Hồng Vinh đề nghị các ban, sở, ngành và chính quyền các cấp cần tiếp tục chuẩn hóa quy trình, tăng cường phối hợp, bảo đảm việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ được thực hiện thông suốt, minh bạch, đúng quy định.

Bưu điện tỉnh Quảng Trị cần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, bảo đảm vững vàng về nghiệp vụ, chuyên nghiệp trong phục vụ; đồng thời đặc biệt chú trọng bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin và hồ sơ của công dân.

Theo Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam Chu Quang Hào, sắp tới, Bưu điện Việt Nam sẽ triển khai miễn phí tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến tại các điểm phục vụ của Bưu điện; đồng thời tăng cường tiếp nhận hồ sơ theo hướng phi địa giới hành chính để tạo thuận lợi tối đa cho người dân.

Nguồn: [nhandan.vn](#)

# ĐÀ NẴNG VÀ CAO BẰNG CHIA SẺ KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI CHUYÊN ĐỔI SỐ, QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ, DU LỊCH

Ngày 19/3/2026, Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về công tác triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, công tác cải cách hành chính, thu hút đầu tư và một số kinh nghiệm về quy hoạch, phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch.

Chia sẻ việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, lãnh đạo thành phố Đà Nẵng cho biết, thời gian qua thành phố đã thực hiện quyết liệt và đạt nhiều kết quả quan trọng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo từng bước đổi mới theo hướng chuyển từ phương thức truyền thống sang môi trường số, dựa trên dữ liệu để đo lường, đánh giá hiệu quả.

Thành phố triển khai hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng nhân dân về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thực hiện các chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 136/2024/QH15; đầu tư hoàn thiện hạ tầng Khu công nghệ thông tin tập trung nhằm thu hút nhà đầu tư chiến lược trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, đồng thời hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh ứng dụng Hệ thống giám sát, điều hành thông minh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Thành phố tiếp tục triển khai Đề án xây dựng đô thị thông minh giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 43-NQ/TW.

Thời gian tới, thành phố Đà Nẵng tập trung đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng mô hình “Chính quyền số - Đô thị thông minh - Nền hành chính hiện đại”, hướng tới tăng trưởng kinh tế bền vững; phấn đấu đưa Đà Nẵng vào top 5 địa phương dẫn đầu về chỉ số giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp, chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh.

Thành phố tập trung đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành; qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính.

Bên cạnh đó, công tác xúc tiến đầu tư được triển khai chủ động, linh hoạt với nhiều hình thức phù hợp; chú trọng thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường. Thành phố tích cực huy động, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư từ khu vực tư nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Lãnh đạo và đại diện các sở, ngành tỉnh Cao Bằng bày tỏ ấn tượng và đánh giá cao những mô hình tăng trưởng mới mà thành phố đã và đang triển khai; đặc biệt là cách tiếp cận linh hoạt, sáng tạo trong phát triển kinh tế gắn với khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Đồng

thời, ghi nhận nhiều kinh nghiệm hay, cách làm hiệu quả của thành phố Đà Nẵng trong công tác quy hoạch, kêu gọi và thu hút đầu tư, cũng như phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, bền vững.

Qua trao đổi, tỉnh Cao Bằng mong muốn thành phố Đà Nẵng tiếp tục chia sẻ sâu hơn về các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư; nhất là việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó là kinh nghiệm trong nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; cách thức tổ chức, quản lý và triển khai hiệu quả công tác quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch đô thị và quy hoạch phát triển du lịch phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

*Nguồn: baodanang.vn*

## GIA LAI TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2026

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai vừa ban hành kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026 tại các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Theo kế hoạch, việc kiểm tra nhằm rà soát, đánh giá việc triển khai và thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch và các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Thông qua hoạt động kiểm tra, tỉnh kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để đề xuất giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương; ghi nhận và biểu dương những đơn vị thực hiện tốt, có nhiều đổi mới, sáng tạo trong công tác cải cách hành chính. Kết quả kiểm tra là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Việc kiểm tra được thực hiện theo nguyên tắc đúng quy định, có trọng tâm, trọng điểm; nội dung kiểm tra toàn diện trên các lĩnh vực cải cách hành chính. Quá trình kiểm tra bảo đảm khách quan, đồng thời gắn với việc hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, không gây ảnh hưởng đến hoạt động thường xuyên của các đơn vị được kiểm tra.

Theo đó, các đoàn kiểm tra sẽ tập trung đánh giá việc tổ chức triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2026 của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Nội dung kiểm tra bao gồm: công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước.

Trong đó, trọng tâm là việc thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số đo lường cải cách hành chính, chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân/tổ chức, và chỉ số phản ánh năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; công tác rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; việc giải quyết thủ tục hành chính trên Dịch vụ công quốc gia thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Ngoài kiểm tra định kỳ, tỉnh còn tổ chức kiểm tra chuyên đề về việc vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình một cửa tập trung, tình hình giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị và việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo kiểm tra đột xuất đối với một số cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện cải cách hành chính và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Theo kế hoạch, các đoàn kiểm tra dự kiến tổ chức kiểm tra từ tháng 5 đến hết tháng 7 năm 2026. Việc kiểm tra được thực hiện theo nhiều hình thức như kiểm tra trực tiếp tại cơ quan, đơn vị; kiểm tra gián tiếp thông qua báo cáo và hồ sơ; đồng thời khuyến khích các cơ quan, đơn vị tổ chức tự kiểm tra theo kế hoạch của tỉnh.

*Nguồn: baogialai.com.vn*

## ĐỒNG THÁP ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ngày 17/3/2026, tỉnh Đồng Tháp tổ chức hội nghị nhằm đánh giá toàn diện về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới.

Từ đầu năm 2026 đến nay, tỉnh Đồng Tháp đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên; xây dựng, hoàn thiện thể chế, quy định cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Địa phương đã hoàn thành Dự án đầu tư không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và đang xây dựng phương án vận hành. Hạ tầng đường truyền trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hoạt động ổn định, thông suốt phục vụ vận hành chính quyền địa phương 2 cấp. Tỉnh đã bố trí 45,9 tỷ đồng cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường sửa chữa trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công và mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc.

Phát biểu tại hội nghị, đồng chí Ngô Chí Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Đồng Tháp nhấn mạnh: Thời gian qua, tỉnh Đồng Tháp thực hiện nghiêm túc việc cập nhật tiến độ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp trên Hệ thống giám sát quốc gia, bảo đảm tính công khai, minh bạch; hạ tầng số và các nền tảng phục vụ chính quyền số tiếp tục được quan tâm đầu tư, hoàn thiện; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt hơn 96%, tỷ lệ số hóa hồ sơ và cấp kết quả điện tử đều đạt hơn 97%...

Thời gian tới, đồng chí Ngô Chí Cường yêu cầu từng cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp phải rà soát lại kế hoạch, xác định rõ việc gì làm trước, việc gì làm sau; tập trung nguồn lực thực hiện, rõ sản phẩm cụ thể, đo lường được bằng các chỉ số, gắn với thời hạn hoàn thành, nguồn lực tài chính, trách nhiệm của người đứng đầu và giám sát dựa trên dữ liệu, bảo đảm bám sát Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo; xử lý ngay những nhiệm vụ còn tồn đọng đến nay.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương phải trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được giao.

*Nguồn: nhandan.vn*

## TÂY NINH: KẾT QUẢ TÍCH CỰC VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Tỉnh Tây Ninh đạt được nhiều kết quả tích cực về cải cách hành, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Quý I năm 2026, công tác cải cách hành chính tại tỉnh Tây Ninh tiếp tục được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Nội vụ.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cùng sự vào cuộc của các sở, ngành và địa phương, nhiều kết quả tích cực đã được ghi nhận, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã ban hành 19 văn bản chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính, đồng thời triển khai Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 với 32 nhiệm vụ trọng tâm.

Trong đó, 26 nhiệm vụ đã được triển khai đúng tiến độ, nhiều nhiệm vụ hoàn thành sớm, tạo nền tảng quan trọng cho việc thực hiện các mục tiêu cả năm. 100% sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, bảo đảm tính đồng bộ trong toàn hệ thống.

Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế tiếp tục được chú trọng. Trong kỳ, tỉnh Tây Ninh đã ban hành 72 văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm đúng quy trình, chất lượng và phù hợp thực tiễn địa phương.

Đặc biệt, một số chính sách đặc thù về thu hút nhân lực y tế, hỗ trợ tuyển dụng giáo viên đã góp phần giải quyết những vấn đề cấp thiết về nguồn nhân lực.

Hoạt động kiểm tra, rà soát văn bản được thực hiện nghiêm túc, chưa phát hiện nội dung trái quy định, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu lực pháp luật.

*Nguồn: daibieunhandan.vn*

## CÀ MAU: NHIỀU SÁNG KIẾN ĐỘT PHÁ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Đề tạo đột phá trong cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp, sáng kiến để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Điển hình là việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND, ngày 22/9/2025, cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường được uỷ quyền cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện 13 nhiệm vụ trong lĩnh vực chứng thực trên địa bàn tỉnh. Tại thời điểm sau hợp nhất, khối lượng công việc quá tải, việc sớm ban hành Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND vừa giúp giảm tải công việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, vừa tạo điều kiện để công chức chuyên môn phát huy năng lực và trách nhiệm, nâng cao tính chuyên nghiệp trong lĩnh vực chứng thực... Ngoài ra, còn giúp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục.

Song song đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND, ngày 10/01/2025 quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Cụ thể, việc phối hợp luân chuyển hồ sơ phải thực hiện thường xuyên, thống nhất theo quy trình trao đổi thông tin qua hệ thống thông tin điện tử. Từ đó, đảm bảo các thủ tục hành chính về đất đai được giải quyết nhanh chóng, thuận lợi và chặt chẽ theo quy định của pháp luật; giúp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; tăng cường tính công khai, minh bạch, giúp người dân dễ dàng theo dõi, tra cứu tiến độ xử lý hồ sơ; nâng cao hiệu quả trong sự phối hợp liên thông giữa các cơ quan nhà nước, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính...

### Chuyển đổi số trong cải cách hành chính

Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền từ ngày 01/7/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định phân cấp một số nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường như về: tổ chức bộ máy; quản lý công chức, viên chức; xây dựng; thu, chi ngân sách; quản lý tàu cá... Công tác thanh tra, kiểm tra các nhiệm vụ phân cấp được các sở, ban, ngành tỉnh quan tâm thực hiện nhằm kịp thời phát hiện những sai phạm trong thực hiện phân cấp (nếu có), từ đó mang lại hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Đặc biệt, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo ứng dụng giải pháp chuyển đổi số trong các cơ quan nhà

nước. Tỉnh tổ chức thành công Lễ phát động phong trào “Bình dân học vụ số” và ra mắt nền tảng “Bình dân học vụ số tỉnh Cà Mau”; tổ chức tọa đàm với chủ đề “Lãnh đạo thích ứng với làn sóng AI”, thực hiện triển khai đến 100% công chức, viên chức có ứng dụng AI phục vụ trong công việc hành chính; tuyên truyền, hướng dẫn đến người dân, doanh nghiệp việc sử dụng ứng dụng AI trong sản xuất, kinh doanh. Đến nay, toàn tỉnh có 95 đội hình, với 1.228 thành viên, hỗ trợ hơn 47.500 lượt người dân về kiến thức, kỹ năng số cần thiết.

Ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai cao điểm, thành lập tổ công tác thu nhận tài khoản định danh điện tử lưu động, đến hỗ trợ người dân tại nhà, tập trung vào đối tượng công dân chưa được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2; nhất là các đối tượng chính sách, người có công, già yếu, bệnh tật... không có điều kiện đến trực tiếp cơ quan công an để thu nhận tài khoản định danh điện tử. Đến nay, đã cấp định danh điện tử cho hơn 1,75 triệu công dân từ đủ 14 tuổi trở lên có thể căn cước, trong đó mức độ 2 có gần 1,7 triệu tài khoản, phục vụ hiệu quả cho các công việc liên quan đến dữ liệu dân cư, giải quyết thủ tục hành chính trên nền tảng số.

Một mô hình, sáng kiến đạt hiệu quả nữa trong cải cách thủ tục hành chính là quy trình liên thông giữa hệ thống thuế với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và phần mềm chuyên ngành của lĩnh vực đất đai, nhằm đảm bảo sự đồng bộ và minh bạch trong việc trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế và các chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai. Theo đó, quy trình liên thông được triển khai với sự phối hợp của các chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai, bộ phận một cửa và các đội thuế liên khu vực thuộc Thuế tỉnh Cà Mau. Khi hồ sơ được chuyển từ văn phòng đăng ký đất đai sang cơ quan thuế, thời gian xác định nghĩa vụ tài chính là 4 ngày làm việc.

Những cách làm sáng tạo nói trên mang lại hiệu quả tích cực, được sự tin tưởng từ người dân. Đây cũng là nền tảng giúp chính quyền địa phương tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý và sự gần gũi, minh bạch hơn trong hoạt động cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính hướng đến phục vụ người dân và nâng cao kỹ năng tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

*Nguồn: baocamau.vn*

# PHÁT TRIỂN VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI: QUÁ TRÌNH TẤT YẾU, HƯỚNG ĐÍCH CỦA HỆ MỤC TIÊU “DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, DÂN CHỦ, CÔNG BẰNG, VĂN MINH”

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng ta luôn coi trọng vị trí, vai trò của văn hóa, đồng thời nhấn mạnh sự gắn kết giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Đây chính yêu cầu cấp thiết đặt ra ở nước ta hiện nay nhằm hiện thực hóa mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại và hoàn thiện quan hệ sản xuất

## Cơ sở lý luận về phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế và phát triển xã hội

Mối quan hệ biện chứng giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế và phát triển xã hội được đặt ra trong học thuyết Mác - Lê-nin, theo đó văn hóa là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, dựa trên sự phát triển của cơ sở hạ tầng cốt lõi là kinh tế, song văn hóa cũng phản ánh sự phát triển của kinh tế, có tác động lớn đối với kinh tế và tồn tại xã hội. Để tạo sự phát triển đồng bộ và toàn diện của một hình thái kinh tế - xã hội, phát triển của văn hóa phải được quan tâm đúng mức.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa trong sự phát triển của một quốc gia: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa”<sup>(1)</sup>. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (năm 2014) tiếp tục khẳng định: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với chính trị, kinh tế và xã hội”<sup>(2)</sup>. Về những mục tiêu chính trong phát triển đất nước, Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: *Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện*<sup>(3)</sup>.

Sự cần thiết phải gắn kết chặt chẽ giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế, phát triển xã hội thể hiện ở ba nội dung sau:

*Thứ nhất, văn hóa là nền tảng tinh thần của phát triển kinh tế - xã hội.*

Văn hóa là nền tảng tinh thần giữ vai trò định hướng sự phát triển của kinh tế và xã hội. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) khi phát động “Thập kỷ văn hóa vì sự phát triển thế giới” khẳng định: Văn hóa phải đứng ở vị trí trung tâm của sự phát triển và sự phát triển phải được khởi đầu và truyền bá bởi văn hóa. Văn hóa giữ vai trò định hướng sự phát triển của kinh tế bằng các mục tiêu nhân văn, điều tiết sự phát triển của xã

hội bằng hệ thống các giá trị, chuẩn mực văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi.

*Thứ hai, văn hóa là mục tiêu của phát triển kinh tế - xã hội.*

Theo quan điểm phát triển bền vững của Liên hợp quốc, các trụ cột của phát triển bền vững bao gồm: kinh tế, xã hội, môi trường, trong đó xã hội gồm nhiều lĩnh vực mà cốt lõi là văn hóa. Do vậy, để phát triển bền vững đất nước thì phát triển kinh tế - xã hội phải song hành với phát triển văn hóa. Đảng ta đặt ra mục tiêu “xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Mục tiêu “dân giàu”, “nước mạnh” dù chủ yếu nói đến phương diện kinh tế song cũng không thể không nhắc tới yếu tố văn hóa khi văn hóa giúp đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao tinh thần, từ đó giúp chuyển hóa thành sức mạnh vật chất, gia tăng “sức mạnh mềm” của quốc gia trên trường quốc tế. Để đạt được mục tiêu “dân chủ, công bằng, văn minh”, không thể không chú trọng phát triển văn hóa, phát triển xã hội, bảo đảm sự hài hòa giữa các phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội.

*Thứ ba, văn hóa là động lực của phát triển kinh tế - xã hội.* Không chỉ là nền tảng tinh thần và mục tiêu của phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa là động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội. Văn hóa có sức lan tỏa và ảnh hưởng sâu sắc tới các lĩnh vực khác, thấm sâu vào đời sống xã hội, tạo dựng môi trường văn hóa lành mạnh để kinh tế và xã hội phát triển. Văn hóa cũng được xem là nguồn lực to lớn, “nguồn vốn” đầy tiềm năng để khai thác, phát triển kinh tế, thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa, đóng góp vào sự phát triển chung của quốc gia.

*Phát triển kinh tế* được hiểu là quá trình tăng trưởng và cải thiện mức độ phát triển của nền kinh tế, thể hiện trên các phương diện: gia tăng tổng thu nhập của nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, hợp lý hơn; tăng trưởng các ngành kinh tế mới, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các ngành kinh tế truyền thống; gia tăng hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, sử dụng tối ưu các nguồn lực; nâng cao năng suất lao động, hiệu quả của quy trình sản xuất; nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm tăng trưởng kinh tế lâu dài, ổn định; kết nối với các nền kinh tế toàn cầu, tạo điều kiện cho xuất khẩu hàng hóa dịch vụ, đầu tư trực tiếp nước ngoài và quan hệ kinh tế quốc tế.

Phát triển kinh tế tốt sẽ tạo tiền đề vật chất cho sự phát triển xã hội và văn hóa. Kinh tế phát triển tạo ra cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người dân, giảm bớt tình trạng thất nghiệp và đói nghèo, cải thiện mức sống. Phát triển kinh tế cũng tạo điều kiện cho mọi người tham gia nhiều hơn vào quá trình sáng tạo, sản xuất, truyền bá và thụ hưởng các giá trị và hoạt động văn hóa.

“Dân giàu, nước mạnh” nghĩa là đời sống nhân dân giàu có, thực lực quốc gia lớn mạnh đưa tới sự phát triển sung túc, thịnh vượng của từng gia đình cũng như cả quốc gia, tạo nên sức mạnh kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, giúp nâng cao vị thế, uy tín, tầm vóc của Việt Nam trên trường quốc tế. Phát triển kinh tế chính là phương thức, công cụ để hiện thực hóa mục tiêu “dân giàu, nước mạnh”, tăng trưởng GDP, nâng cao thu nhập

bình quân đầu người. Đây cũng là điều kiện quan trọng để chúng ta duy trì hòa bình, độc lập, chủ quyền quốc gia.

*Phát triển xã hội* trên cơ sở phát triển kinh tế và văn hóa là thúc đẩy phát triển mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ giáo dục, đào tạo, y tế đến bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân. Phát triển xã hội cũng giúp giải quyết các vấn đề xã hội theo hướng nhân văn, hài hòa giữa các giai tầng, giảm bớt khoảng cách giàu nghèo, giảm bớt bất bình đẳng, hỗ trợ các dân tộc thiểu số, quan tâm đến các nhóm yếu thế, bảo đảm công bằng xã hội tiến tới tiến bộ xã hội, bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội. Phát triển xã hội sẽ giúp giải quyết mâu thuẫn xã hội, tránh nảy sinh xung đột xã hội, góp phần bảo đảm an ninh con người và cao nhất là giải phóng và phát triển con người toàn diện.

*Phát triển văn hóa* là phát triển toàn diện và đồng bộ các thành tố cấu thành nền văn hóa quốc gia, nâng cao hiệu quả trên các lĩnh vực hoạt động của văn hóa, từ xây dựng con người mà trọng tâm là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống, đến xây dựng môi trường văn hóa; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; phát triển văn học, nghệ thuật; phát triển khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo; về văn hóa nghệ thuật, truyền thông đại chúng; giao lưu hợp tác quốc tế về văn hóa. Phát triển văn hóa gắn bó mật thiết với phát triển kinh tế, xã hội sẽ góp phần phát triển đồng bộ cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần của nhân dân; phát triển bền vững mọi mặt của đất nước; nâng cao trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực; thúc đẩy khoa học và công nghệ phát triển; củng cố kỷ cương và đạo đức nghề nghiệp; thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội. Đây cũng chính là những điều kiện cần và đủ để hiện thực hóa mục tiêu “dân chủ, công bằng, văn minh”.

“Dân chủ” được thể hiện ở việc người dân thực sự được làm chủ trên mọi phương diện theo đúng phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; là sự kế thừa và phát triển tư tưởng “lấy dân làm gốc”, quy tụ được sức mạnh toàn dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, việc xây dựng, củng cố mục tiêu dân chủ đang góp phần huy động mọi nguồn lực xã hội, chung tay xây dựng và phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

“Công bằng” được biểu hiện trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm xóa bỏ những bất công, thiên lệch trong phân phối kết quả lao động, thu nhập, quyền và trách nhiệm, thụ hưởng phúc lợi xã hội,... “Công bằng” còn thể hiện ở sự bình quyền về mặt giới tính, bình đẳng trong thăng tiến nghề nghiệp, cơ hội phát triển cá nhân. Mục tiêu công bằng ở Việt Nam hiện nay thể hiện ở việc giảm bớt khoảng cách giàu nghèo, phân hóa xã hội; Chỉ số phát triển con người; hệ số thước đo thống kê về bất bình đẳng kinh tế trong dân số (GINI); mức độ thỏa mãn nhu cầu cơ bản của con người...

“Văn minh” nghĩa là đất nước ngày càng phát triển theo hướng tiến bộ, nhân văn, hiện đại, theo kịp các nước phát triển. Văn minh không chỉ thể hiện trong đời sống vật chất, tiện nghi sinh hoạt, thành tựu khoa học và công nghệ, mà được biểu hiện trong đời sống tinh thần, thể hiện trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật, sinh hoạt chính trị - xã hội, giáo dục và đào tạo,

thực thi pháp luật, lối sống, nếp sống, văn hóa ứng xử. Văn minh còn là kết quả của sự tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại kết hợp với những giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc.

Như vậy, việc phát triển gắn kết, đồng bộ cả ba lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội chính là điều kiện, tiền đề, nền tảng để bảo đảm thực hiện các mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, qua đó nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

### **Thực trạng phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội ở nước ta**

Phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế về cơ bản gồm các nội dung sau: Xây dựng các giá trị, chuẩn mực và môi trường văn hóa trong kinh tế; gia tăng hàm lượng văn hóa, khoa học và công nghệ trong kinh tế; khai thác các nguồn lực văn hóa vào phát triển kinh tế; xây dựng nguồn nhân lực cho quá trình phát triển kinh tế. Thực tiễn gần 40 năm đổi mới ở nước ta cho thấy sự đúng đắn của việc gắn kết giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế, xã hội. Việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong hoạt động kinh tế ngày càng được chú trọng. Văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân được quan tâm xây dựng, thể hiện ở các mặt, như triết lý kinh doanh, sứ mệnh, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi, đạo đức kinh doanh, sự tuân thủ pháp luật, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Việt Nam ngày càng xuất hiện nhiều doanh nghiệp khẳng định tên tuổi, uy tín, thương hiệu, có đóng góp tích cực với xã hội, như Vinamilk, Viettel, FPT, Vingroup, TH True milk... Đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh, gắn lợi ích doanh nghiệp với lợi ích cộng đồng. Hàm lượng văn hóa, yếu tố sáng tạo và khoa học, công nghệ được khẳng định trong các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động kinh tế. Những năm gần đây, chỉ số Đổi mới sáng tạo (GII) của Việt Nam liên tục được cải thiện.

Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014, của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, văn hóa ngày càng được chú trọng như một nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế. “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1755/QĐ-TTg, ngày 08/9/2016) đề ra mục tiêu đến năm 2020, doanh thu các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng 3% GDP, đến năm 2030 khoảng 7% GDP, thì trước đại dịch COVID-19, năm 2018 các ngành công nghiệp văn hóa đã đóng góp 3,61% GDP, về đích sớm hơn 2 năm so với chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược<sup>(4)</sup>.

Về phát triển văn hóa gắn với phát triển xã hội, mức độ sáng tạo, hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa của nhân dân ngày càng tăng lên. Hệ thống phúc lợi và an sinh xã hội được coi trọng và mở rộng từng bước. Điều kiện tiếp cận thông tin của người dân được nâng lên rõ rệt. Bình đẳng giới có nhiều tiến bộ, tỷ lệ phụ nữ tham gia Quốc hội và giữ các trọng trách trong hệ thống chính trị ngày càng tăng cao. Phát triển văn hóa mang lại nhiều công ăn việc làm, thu nhập cho người dân, nhất là trong lĩnh vực phát huy giá trị di sản văn hóa, phát triển làng nghề truyền thống, du lịch văn hóa, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện mức sống của nhân dân. Yếu tố văn hóa dần trở thành nền tảng điều tiết các quan hệ xã hội và ứng xử xã

hội. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam ngày càng tăng cao. Từ năm 2008, Việt Nam đã hoàn thành hầu hết các mục tiêu thiên niên kỷ mà UNESCO đặt ra đến năm 2015.

Trong gần 40 năm đổi mới, sự gắn kết giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế, xã hội đã được minh chứng rất rõ qua những thành tựu nổi bật mà đất nước đạt được. Năm 2024, GDP của Việt Nam đạt 476,3 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD<sup>(5)</sup>, tăng gấp nhiều lần so với những năm đầu đổi mới. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm nhanh còn 4,06% năm 2024<sup>(6)</sup>. Xuất hiện những hình thái, lĩnh vực kinh tế mới mang hàm lượng văn hóa cao, như kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), năng lượng sạch...

Lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, xây dựng con người đều có nhiều chuyển biến tích cực. Những thành tựu trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội giúp con người Việt Nam phát triển thể chất, trí tuệ, đạo đức, nghề nghiệp, có cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Thu nhập bình quân của người lao động được cải thiện, tăng bình quân từ 7% - 8%/năm trong giai đoạn 2013 - 2023. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được tăng cường, chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh được nâng lên. Thông qua các chính sách lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, chúng ta đã có những thành công lớn trong việc kiểm soát tốc độ gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu được chú trọng, thể hiện ở các mặt, như phổ cập giáo dục; chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; xây dựng hệ thống y tế cơ sở và y tế dự phòng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chương trình nhà ở cho các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương, công nhân khu công nghiệp; nước sạch ở nông thôn; hệ thống thông tin truyền thông ở cơ sở... Nhiều chính sách phúc lợi, an sinh xã hội được thực hiện, như chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí cho học sinh, sinh viên nghèo; hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ phát triển giáo dục đối với con em đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ học bổng và phương tiện, đồ dùng học tập thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; hỗ trợ người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người dân vùng bị thiên tai, bão lụt, hạn hán, rét đậm, rét hại, bệnh dịch...

### **Một số giải pháp nâng cao hiệu quả gắn kết giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế, xã hội**

Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “*Văn hóa* chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm... Môi trường văn hóa, xã hội tiếp tục bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực. Chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền còn lớn; đời sống văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn... Đầu tư cho văn hóa chưa đúng mức, còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi sự xuống cấp nghiêm trọng về một số mặt văn hóa, đạo đức, lối sống, gây bức xúc xã hội”<sup>(7)</sup>. Công nghiệp văn hóa đang ở giai đoạn đầu của sự phát triển nên còn gặp khó khăn. Thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa phát triển manh mún, tự phát, thiếu vắng các thiết chế

trung gian, mô hình thí điểm để huy động sự đóng góp, hưởng ứng của các tổ chức, doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp chưa tuân thủ pháp luật. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực ở một bộ phận cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị đã và đang gây bức xúc trong dư luận.

Để khắc phục những tồn tại trên, cần đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sự gắn kết giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội sau:

*Một là*, nâng cao nhận thức về vai trò của phát triển văn hóa trong phát triển kinh tế và xã hội. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước luôn nhấn mạnh văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, nhưng thực tế, nhiều cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp, người dân chưa nhận thức đầy đủ vai trò, tầm quan trọng của phát triển văn hóa trong phát triển của kinh tế và xã hội cũng như mối quan hệ với các mục tiêu phát triển đất nước. Các cơ quan liên quan khi xây dựng hệ thống luật pháp, các chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa cũng chưa chú trọng đầy đủ đến sự gắn kết này. Do vậy, cần nâng cao nhận thức để có các hành động, quyết sách phù hợp, thực thi nghiêm túc trong các cấp, các ngành và toàn xã hội.

*Hai là*, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội; không chỉ trong việc đề ra chủ trương, đường lối đúng đắn, mà còn ở năng lực lãnh đạo các chủ trương, đường lối đó đi nhanh chóng vào thực tiễn cuộc sống; không chỉ ở việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết, mà còn là việc triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết đó.

Sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tiếp tục đề ra các cơ chế, chính sách trọng dụng, thu hút nhân tài vào làm việc trong hệ thống chính trị. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết lý luận, nâng cao chất lượng cuộc đấu tranh tư tưởng và học thuật. Tham khảo kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, phát triển xã hội.

*Ba là*, kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo động lực và điều kiện để khu vực kinh tế tư nhân và toàn xã hội tham gia nhiều hơn vào phát triển văn hóa, phát triển kinh tế và xã hội. Hoàn thiện thể chế kinh tế, văn hóa, xã hội, trong đó chú trọng các vấn đề về dân số và phát triển, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người, chăm sóc sức khỏe toàn dân, giáo dục nghề nghiệp, hỗ trợ các nhóm người yếu thế..., phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tạo môi trường tự do, dân chủ trong sáng tạo văn hóa, nghệ thuật. Chuyển đổi cơ chế quản lý từ cấp phép, “xin - cho” sang cơ chế “vì dân phục vụ” để giải phóng sức sáng tạo của văn nghệ sĩ, khuyến khích sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa, thúc đẩy lực lượng sản xuất văn hóa phát triển.

*Bốn là*, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Tập trung chức năng quản lý, xây dựng hành lang pháp luật và chính sách phù hợp để giúp nền kinh tế vận hành hiệu quả. Tạo điều kiện để hình thành các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp tư

nhân lớn bên cạnh các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Chú trọng gia tăng hàm lượng văn hóa, tri thức trong tất cả các khâu quản trị, sản xuất, kinh doanh, thương mại, đầu tư,... cũng như hệ sinh thái liên quan, như khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo; tài nguyên và môi trường; báo chí, truyền thông... Xây dựng nền văn hóa công vụ chuyên nghiệp, liêm chính, thân thiện với người dân và doanh nghiệp. Hoàn thiện nền tảng Chính phủ điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về các ngành, lĩnh vực trọng yếu đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, xã hội số. Phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các bộ, ban, ngành, địa phương trong việc tăng cường sự gắn kết giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế và xã hội. Phân định rõ chủ thể, trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình phối hợp. Nâng cao hiệu quả tổ chức thực thi pháp luật. Tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ xã hội thông qua giám sát và đối thoại dưới nhiều hình thức. Đổi mới công tác giám sát của các cơ quan của Quốc hội, các tổ chức chính trị - xã hội nhằm bảo đảm tính liên thông, gắn kết, hiệu quả giữa việc xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Xử lý kiên quyết, nghiêm minh các vi phạm theo đúng quy định của pháp luật, không có “vùng cấm”, ngoại lệ, “quyền miễn trừ”, tránh hiện tượng “nhờn” luật.

Năm là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ mới. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trong công tác lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu, giảng dạy và tổ chức các hoạt động kinh tế, văn hóa và xã hội. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc gắn kết hài hòa giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, góp phần hiện thực hóa hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

*Giáo sư, Tiến sĩ Từ Thị Loan - Viện trưởng Viện Nghiên cứu văn hóa Thăng Long*

*Nguồn: tapchicongsan.org.vn*

-----  
(1) Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1997, tr. 11

(2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr. 48

(3) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 13 – 14

(4) Thế Công: “Để văn hóa thực sự trở thành ngành công nghiệp phát triển - Bài 1: Chủ trương đúng đắn”, *Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*, ngày 01/4/2024

(5) Vũ Dung: “GDP của Việt Nam ước tăng 7,09% trong năm 2024”, *Báo Quân đội nhân dân điện tử*, ngày 06/01/2025

(6) PV: “Tỷ lệ nghèo đa chiều toàn quốc năm 2024 là 4,06%”, *Báo Nhân dân điện tử*, ngày 10-2-2025

(7) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 84, 85

## THƯỚC ĐO CỦA PHÁP LUẬT LÀ CUỘC SỐNG

Trong nhiều năm qua, đặc biệt trong năm 2025, công cuộc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng. Hệ thống luật, pháp lệnh và các văn bản dưới luật ngày càng được hoàn thiện, bao quát hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, thực tiễn phát triển cũng đặt ra một câu hỏi ngày càng rõ ràng: một đạo luật được viết tốt đã đủ để tạo ra một xã hội vận hành hiệu quả hay chưa?

Chính trong bối cảnh đó, chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm về việc chuyển tư duy đánh giá hiệu quả từ “*pháp luật tốt trong văn bản*” sang “*pháp luật tốt trong cuộc sống*” mang ý nghĩa đặc biệt sâu sắc. Đây không chỉ là một yêu cầu kỹ thuật đối với công tác xây dựng pháp luật, mà còn là một gợi mở quan trọng về *triết lý quản trị quốc gia trong giai đoạn phát triển mới của đất nước*. Nói cách khác, đây là lời nhắc nhở rằng giá trị của pháp luật không nằm ở những câu chữ được viết ra, mà nằm ở *những thay đổi tích cực mà pháp luật tạo ra trong đời sống xã hội*.

### **Khi pháp luật tốt trên giấy nhưng chưa tốt trong đời sống**

Trong thực tế quản trị nhà nước, không hiếm những trường hợp mà một đạo luật được chuẩn bị công phu, có kỹ thuật lập pháp khá hoàn chỉnh, nhưng khi đi vào thực tiễn lại gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai. Có những chính sách được thiết kế với mục tiêu rất đúng đắn nhưng khi thực thi lại phát sinh vướng mắc; có những quy định được ban hành với kỳ vọng tháo gỡ rào cản cho phát triển nhưng trên thực tế vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

Hiện tượng này cho thấy một nghịch lý quen thuộc trong quản trị hiện đại: pháp luật có thể tốt trên giấy nhưng chưa chắc đã tốt trong đời sống. Khi việc đánh giá chất lượng pháp luật chủ yếu dựa vào kỹ thuật lập pháp hoặc quy trình ban hành, chúng ta có thể dễ dàng bỏ qua câu hỏi quan trọng nhất: đạo luật đó đã thực sự cải thiện đời sống của người dân và doanh nghiệp hay chưa.

Nếu một đạo luật được soạn thảo rất chặt chẽ nhưng lại làm tăng chi phí tuân thủ cho xã hội; nếu một chính sách được viết rất hay nhưng không giải quyết được các điểm nghẽn phát triển; hoặc nếu các quy định trở nên quá phức tạp khiến việc thực thi trở nên khó khăn, thì dù văn bản có hoàn chỉnh đến đâu, hiệu quả của pháp luật vẫn khó có thể được coi là thành công.

Chính vì vậy, yêu cầu chuyển trọng tâm đánh giá từ “*pháp luật trong văn bản*” sang “*pháp luật trong cuộc sống*” đã mở ra một cách tiếp cận mới: chất lượng của pháp luật phải được đo bằng kết quả thực tế mà nó mang lại cho xã hội.

### **Thước đo thực sự của pháp luật nằm trong cuộc sống**

Bản chất của pháp luật không phải là những điều khoản được ghi trong văn bản, mà là *công cụ để tổ chức và điều chỉnh đời sống xã hội*. Một hệ thống pháp luật chỉ thực sự có giá trị khi nó tạo ra những thay đổi tích cực trong thực tiễn: quyền và lợi ích của người dân

được bảo đảm tốt hơn, môi trường kinh doanh trở nên minh bạch và thuận lợi hơn, chi phí giao dịch trong xã hội giảm xuống và các nguồn lực phát triển được giải phóng.

Vì vậy, khi nói rằng “*thước đo của pháp luật là cuộc sống*”, điều đó cũng có nghĩa là hiệu quả của pháp luật phải được nhìn nhận thông qua *tác động mà nó tạo ra đối với đời sống kinh tế - xã hội*. Một đạo luật chỉ thực sự thành công khi người dân cảm nhận được lợi ích của nó trong cuộc sống hằng ngày; khi doanh nghiệp thấy rằng các quy định pháp lý giúp họ yên tâm đầu tư và kiến tạo sự phát triển; và khi xã hội vận hành minh bạch, ổn định và công bằng hơn.

Nhìn theo cách đó, pháp luật không phải là mục tiêu tự thân của quản trị quốc gia. *Pháp luật là phương tiện để đạt tới một xã hội phát triển, trật tự, công bằng và văn minh*. Những điều khoản trong văn bản chỉ có ý nghĩa khi chúng được chuyển hóa thành hành vi thực tế trong đời sống.

### **Từ tư duy lập pháp sang tư duy thể chế**

Chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm cũng gợi mở một bước chuyển quan trọng trong cách nhìn nhận về thể chế. Trong cách tiếp cận truyền thống, khi nói đến cải cách pháp luật, chúng ta thường tập trung vào việc soạn thảo và ban hành văn bản. Tuy nhiên, pháp luật chỉ là một bộ phận của hệ thống thể chế, và hiệu quả của nó phụ thuộc vào cách mà toàn bộ hệ thống vận hành.

Một chính sách muốn đi vào cuộc sống cần có ít nhất ba yếu tố cơ bản. Thứ nhất là *các quy tắc pháp lý rõ ràng và minh bạch*. Thứ hai là *các thiết chế thực thi có đủ năng lực và trách nhiệm* để tổ chức thực hiện các quy định đó. Và thứ ba là *cơ chế vận hành và giám sát hiệu quả*, bảo đảm rằng các quy định được thực thi một cách nhất quán và công bằng.

Nếu chỉ có quy tắc trên giấy mà thiếu các thiết chế thực thi hoặc thiếu cơ chế giám sát, pháp luật rất dễ rơi vào tình trạng “luật treo”. Vì vậy, đánh giá chất lượng pháp luật không thể tách rời khỏi việc đánh giá toàn bộ chuỗi vận hành của thể chế, từ khâu thiết kế chính sách cho tới khâu tổ chức thực hiện trong thực tế.

### **Muốn pháp luật tốt trong cuộc sống, phải nâng cao năng lực thực thi**

Để pháp luật thực sự trở thành một lực lượng kiến tạo phát triển, điều quan trọng không chỉ là tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản, mà còn phải nâng cao năng lực thực thi của bộ máy nhà nước. Việc xây dựng pháp luật cần dựa trên tổng kết thực tiễn, đánh giá tác động chính sách một cách đầy đủ và tăng cường tham vấn ý kiến của người dân, doanh nghiệp cũng như các chuyên gia. Những quy định được ban hành phải hướng tới mục tiêu giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh và khơi thông các nguồn lực phát triển.

Bên cạnh đó, cần xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình tổ chức thực thi pháp luật. Một hệ thống pháp luật chỉ vận hành hiệu quả khi các thiết chế thực thi được tổ chức hợp lý, có đủ nguồn lực và chịu trách nhiệm rõ ràng về kết quả thực hiện. Việc tăng cường trách nhiệm giải trình, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả thực thi chính sách sẽ giúp bảo đảm rằng các quy định pháp luật không chỉ tồn tại trên giấy, mà thực sự phát huy hiệu lực trong đời sống.

Quan trọng hơn, việc đánh giá hiệu quả của pháp luật cần được đặt trong mối liên hệ với tác động kinh tế - xã hội mà nó tạo ra. Những chính sách giúp thúc đẩy phát triển, giảm bớt rào cản cho doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi của người dân và nâng cao hiệu quả quản trị xã hội cần được nhìn nhận như những thước đo thực chất của chất lượng pháp luật.

### Khi pháp luật sống trong đời sống

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền và phát triển đất nước, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật luôn là một nhiệm vụ trung tâm. Tuy nhiên, chỉ đạo của Tổng Bí thư về việc chuyển từ tư duy “*pháp luật tốt trong văn bản*” sang “*pháp luật tốt trong cuộc sống*” đã đặt ra một yêu cầu cao hơn: *không chỉ ban hành luật, mà phải bảo đảm luật mang lại những giá trị thiết thực và được thực thi hiệu quả trong thực tiễn.*

Đó chính là bước chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển; từ việc coi pháp luật là một hệ thống văn bản sang việc coi pháp luật là *một cơ chế vận hành của đời sống xã hội*. Khi pháp luật thực sự đi vào cuộc sống, nó không chỉ điều chỉnh hành vi mà còn giải phóng các nguồn lực, thúc đẩy sáng tạo và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Suy cho cùng, giá trị của pháp luật không nằm trong những điều khoản được viết ra, mà nằm trong những thay đổi tích cực mà nó mang lại cho xã hội. Khi pháp luật giúp tháo gỡ những điểm nghẽn phát triển, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân và tạo ra một môi trường minh bạch, công bằng cho mọi hoạt động kinh tế- xã hội, khi đó pháp luật mới thực sự phát huy được vai trò của mình.

*Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng - nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội*

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## DẤU ẤN CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA QUỐC HỘI VIỆT NAM

Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Quốc hội Việt Nam đang tích cực đổi mới phương thức hoạt động, từng bước xây dựng “Quốc hội số” hiện đại, chuyên nghiệp và ngày càng gần gũi với cử tri.

Năm 2026 đánh dấu một dấu mốc rất là đặc biệt, đó là 80 năm hình thành và phát triển Quốc hội Việt Nam, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân và cũng là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước chúng ta. Trải qua 8 thập kỷ, Quốc hội đã không ngừng đổi mới để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước qua từng giai đoạn lịch sử.

Tại buổi đối thoại với chủ đề “Quốc hội Việt Nam và bước chuyển mạnh mẽ trong kỷ nguyên số” diễn ra chiều ngày 13/3/2026, Tiến sĩ Trần Văn Khải, đại biểu Quốc hội khóa XV, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã nhận định, bước vào kỷ nguyên phát triển mới, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Những bước chuyển mình của Quốc hội trong hành trình đổi mới và hiện đại hóa, kể từ ngày 6/1/1946 cho đến nay có nhiều dấu ấn trong khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong đó, Quốc hội hiện nay đã chuyển đổi từ quy trình thủ công, hồ sơ giấy sang mô hình dựa trên dữ liệu và quy trình số. Tốc độ xử lý trong các nhiệm vụ của Quốc hội rất nhanh, đáp ứng được yêu cầu của Đảng và Nhà nước hiện nay, giảm được độ trễ về chính sách và nhất là nâng cao được năng suất nghị trường. Đáng chú ý, tư duy mới trong toàn hệ thống Quốc hội hiện nay đã coi dữ liệu là tư liệu sản xuất, công nghệ số là công cụ quản trị cho hoạt động của Quốc hội.

Hiện nay, Quốc hội đã họp trực tuyến, biểu quyết điện tử, số hóa tài liệu, bảo đảm hoạt động liên tục. Một trong những dấu ấn là khi đại dịch Covid-19 xảy ra, Quốc hội đã không bị gián đoạn mà hoạt động liên tục thông qua họp trực tuyến, biểu quyết điện tử và cung cấp tài liệu cho đại biểu kịp thời để đưa ra các quyết sách vượt qua đại dịch, tạo hành lang pháp lý cho Chính phủ hành động quyết liệt.

Một dấu mốc đáng quan trọng là Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 1343/NQ-UBTVQH15 về xây dựng và phát triển Quốc hội số giai đoạn 2024 - 2026, định hướng đến năm 2030. Nghị quyết này xác định lấy người dân, cử tri và đại biểu là trung tâm của chuyển đổi số.

### **Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ vào hoạt động lập pháp, giám sát**

Tiến sĩ Trần Văn Khải thông tin, ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội được xác định giữ vai trò hết sức quan trọng. Đồng thời, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng đã giao cho Ủy ban nhiều nhiệm vụ trọng tâm nhằm cụ thể hóa và triển khai hiệu quả nghị quyết này.

Trước hết, Ủy ban xác định chuyển đổi số trong Quốc hội phải đi cùng “thể chế hóa” theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW: Thể chế đi trước một bước, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, chấp nhận thí điểm có kiểm soát và quản trị rủi ro.

Thứ hai, Ủy ban tham mưu trực tiếp để Quốc hội thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số gắn kết điều hành trong hệ thống lãnh đạo Quốc hội và các Ủy ban. Ủy ban đã tham gia trực tiếp vào cơ chế chỉ đạo thống nhất đó.

Hiện nay, Ủy ban cũng giúp Quốc hội chuẩn hóa quy trình, triển khai các công cụ nghiệp vụ lập pháp, giám sát hoàn toàn trên môi trường số. Theo đó, xác định dữ liệu của Quốc hội là tài nguyên trung tâm, bảo đảm liên thông chia sẻ đồng bộ với toàn hệ thống chính trị; ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) có rào chắn nhất định để hỗ trợ tra cứu, tóm tắt, kiểm soát bảo vệ dữ liệu và trách nhiệm giải trình.

### **Những dấu ấn nổi bật trong chuyển đổi số của Quốc hội**

Trong cuộc đối thoại, Tiến sĩ Trần Văn Khải cho rằng, có rất nhiều dấu ấn nổi bật trong chuyển đổi số của Quốc hội, nhưng có thể điểm lại một số mốc quan trọng cụ thể gồm:

Dấu ấn thứ nhất là “thiết kế thể chế và cơ chế điều hành”: Quốc hội ban hành Nghị quyết về xây dựng và phát triển Quốc hội số; kiện toàn cơ chế chỉ đạo chuyển đổi số để bảo đảm thống nhất, đồng bộ, liên thông trong toàn hệ thống Quốc hội.

Dấu ấn thứ hai là “hạ tầng-chữ ký số-liên thông”: Nghị quyết về Quốc hội số đặt mục tiêu tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hạ tầng số/điện toán đám mây có dự phòng cao; 100% đại biểu, cán bộ được trang bị chữ ký số; kết nối Trực liên thông văn bản quốc gia.

Dấu ấn thứ ba là “quy trình số và AI hỗ trợ nghiệp vụ”: mục tiêu 100% quy trình nghiệp vụ thực hiện trên môi trường số và ứng dụng AI hỗ trợ nghiệp vụ chuyên môn đã được xác định rõ trong lộ trình Quốc hội số.

Dấu ấn thứ tư là “phòng họp không giấy”: Quốc hội triển khai/vận hành thử nghiệm hệ thống phòng họp không giấy tờ (Q-Cabinet), phục vụ tổ chức họp trên môi trường số và tổng hợp ý kiến nhanh.

Dấu ấn thứ năm là “hệ sinh thái ứng dụng phục vụ đại biểu và cơ quan Quốc hội”: các phần mềm quản lý văn bản-điều hành, App phục vụ đại biểu (Quốc hội 2.0), hệ thống gỡ băng, quản lý kiến nghị cử tri, quản lý hoạt động giám sát, và cả phần mềm phục vụ bầu cử đã được nhắc đến như danh mục triển khai nổi bật.

Dấu ấn thứ sáu là “năng lực thích ứng trong tình huống đặc biệt”: Việc tổ chức họp trực tuyến/kết hợp và duy trì hoạt động nghị trường trong điều kiện dịch bệnh là minh chứng cho hiệu quả của đổi mới dựa trên công nghệ.

### **Hoàn thiện khung pháp lý cho kinh tế số, xã hội số và hệ sinh thái đổi mới**

Đề cập tới ý nghĩa của việc ban hành các đạo luật đối với kinh tế số, xã hội số, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, Tiến sĩ Trần Văn Khải nhấn mạnh ý nghĩa “tạo nền pháp lý đồng bộ theo chuỗi”: Giao dịch và niềm tin số (Luật Giao dịch điện tử); hạ tầng kết nối (Luật Viễn thông); quản trị dữ liệu (Luật Dữ liệu); bảo vệ quyền riêng tư - tăng niềm tin xã hội số (Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân).

Theo đó, Luật Chuyển đổi số tạo khung khái niệm và nhiệm vụ cho chuyển đổi số ở tầm quốc gia (điều chỉnh nguyên tắc/chính sách; biện pháp bảo đảm; trách nhiệm các chủ thể), giúp “thống nhất ngôn ngữ” và cách đo lường hiệu quả chuyển đổi số.

Song song, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị quyết 57 cùng khẳng định tư duy quản trị mới: khuyến khích đổi mới, chấp nhận rủi ro có kiểm soát; tạo cơ chế thí điểm/sandbox; coi doanh nghiệp là trung tâm đổi mới sáng tạo và thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Còn Nghị quyết 193/2025/QH15 (thí điểm cơ chế, chính sách đặc biệt) và chương trình hành động của Chính phủ là “cầu nối triển khai” để các chủ trương của Nghị quyết số 57-NQ/TW đi vào thực tiễn, tháo gỡ điểm nghẽn thể chế/tài chính/đầu tư cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Cùng với đó, Luật sửa đổi Luật Chuyển giao công nghệ góp phần hoàn thiện cơ chế đưa công nghệ vào sản xuất-kinh doanh, thúc đẩy hấp thụ và lan tỏa công nghệ, qua đó hỗ trợ trực tiếp cho năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế số.

Khuyến nghị, đề xuất để tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, Tiến sĩ Trần Văn Khải nêu bật, ưu tiên số một là tiếp tục “đổi mới tư duy làm luật” theo hướng luật phải vừa bảo đảm quản lý nhà nước vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, mở đường cho thí điểm, sandbox và cơ chế miễn trừ trách nhiệm có điều kiện.

Đồng thời, thiết kế pháp luật theo hướng “càng số càng phải có chuẩn”: Chuẩn dữ liệu, tiêu chuẩn an toàn thông tin, nguyên tắc tương thích - liên thông - chia sẻ; gắn trách nhiệm giải trình với vòng đời dữ liệu và vòng đời thuật toán/AI trong khu vực công. Thêm vào đó, cần thể chế hóa mạnh hơn cơ chế huy động nguồn lực.

Cạnh đó, cần tăng cường năng lực lập pháp dựa trên bằng chứng: Phát triển công cụ số/AI hỗ trợ đánh giá tác động, rà soát chồng chéo, pháp điển hóa; đồng thời học hỏi thực hành tốt về chuyển đổi số nghị viện do IPU khuyến nghị. Ngoài ra, cũng cần đặt an ninh mạng và an ninh dữ liệu là yêu cầu xuyên suốt trong toàn bộ chu trình làm luật và giám sát, đúng tinh thần Nghị quyết 57: Không “đổi số bằng mọi giá”, mà “đổi số an toàn”.

Cuối cùng là, tham chiếu khung quản trị số hiện đại (thí dụ OECD) để hoàn thiện nguyên tắc quản trị dữ liệu, quản trị dịch vụ số lấy người dân/doanh nghiệp làm trung tâm, đo lường hiệu quả và năng lực thực thi.

*Tiến sĩ Trần Văn Khải - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học công nghệ và môi trường của Quốc hội*

*Nguồn: nhandan.vn*

## DOANH NGHIỆP KỶ VỌNG NHIỆM KỶ MỚI: TẠO XUNG LỰC CẢI CÁCH VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Sau cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, cộng đồng doanh nghiệp bày tỏ kỳ vọng nhiệm kỳ mới sẽ tiếp tục thúc đẩy cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và tạo động lực phát triển cho khu vực kinh tế tư nhân, đổi mới sáng tạo và kinh tế số.

### **Kỳ vọng cải cách thể chế và củng cố niềm tin của nhà đầu tư**

Trao đổi với phóng viên Báo Nhân Dân, ông Mạc Quốc Anh, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội (HANOISME), Bí thư Đảng ủy – Viện trưởng Viện Kinh tế và Phát triển Doanh nghiệp cho rằng, sau mỗi kỳ bầu cử, điều mà cộng đồng doanh nghiệp và các nhà đầu tư quốc tế quan tâm không chỉ là sự thay đổi về nhân sự lãnh đạo, mà quan trọng hơn là tín hiệu chính sách và tầm nhìn phát triển của quốc gia trong giai đoạn tiếp theo.

Theo ông Mạc Quốc Anh, tại Việt Nam, các cuộc bầu cử luôn diễn ra trong bối cảnh ổn định chính trị cao. Đây là yếu tố tạo nên lợi thế đặc biệt của Việt Nam trong mắt nhà đầu tư quốc tế. Sự ổn định cùng với tính kế thừa trong đường lối phát triển đã giúp Việt Nam duy trì niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp, đồng thời tạo nền tảng để triển khai các chiến lược phát triển kinh tế dài hạn.

Xét dưới góc độ kinh tế vĩ mô, ông Mạc Quốc Anh cho rằng triển vọng của Việt Nam sau bầu cử tiếp tục được đánh giá tích cực. Sau hơn 3 thập kỷ đổi mới, Việt Nam đã từng bước chuyển mình trở thành một trong những trung tâm sản xuất năng động của châu Á. Nhiều tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế và các tổ chức nghiên cứu toàn cầu đều đánh giá Việt Nam là nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng ổn định và tiềm năng phát triển dài hạn. Nếu các định hướng cải cách tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ trong giai đoạn tới, Việt Nam hoàn toàn có khả năng duy trì đà tăng trưởng cao và củng cố vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Theo ông Mạc Quốc Anh, nếu các cải cách thể chế được đẩy mạnh hơn sau bầu cử, đặc biệt trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch của môi trường kinh doanh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo, Việt Nam sẽ có cơ hội thu hút mạnh hơn làn sóng đầu tư mới, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao, sản xuất xanh và kinh tế số.

Bên cạnh đó, ông cũng nhấn mạnh vai trò ngày càng quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế. Trong những năm gần đây, kinh tế tư nhân đã dần khẳng định vị thế là một động lực quan trọng của tăng trưởng. Sự phát triển của hàng trăm nghìn doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, không chỉ tạo việc làm cho xã hội mà còn đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Ông Mạc Quốc Anh nhấn mạnh, cộng đồng doanh nghiệp kỳ vọng các chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân sẽ tiếp tục được hoàn thiện theo hướng thực chất hơn, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận vốn, công nghệ và thị trường. Khi khu vực doanh nghiệp tư nhân phát triển mạnh mẽ, nền kinh tế sẽ có thêm động lực để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Ngoài ra, xu hướng phát triển bền vững cũng đang trở thành yêu cầu mang tính toàn cầu. Các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp ngày càng được áp dụng rộng rãi trong thương mại và đầu tư quốc tế. Theo ông, nếu tận dụng tốt giai đoạn sau bầu cử để thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển năng lượng tái tạo và nâng cao tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp, Việt Nam không chỉ đáp ứng được các yêu cầu mới của thị trường quốc tế mà còn có thể thu hút các dòng vốn đầu tư chất lượng cao.

Về dài hạn, ông Mạc Quốc Anh cho rằng triển vọng phát triển của Việt Nam còn gắn với quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế dựa trên tri thức và đổi mới sáng tạo. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang mở ra cơ hội lớn cho những quốc gia biết tận dụng công nghệ, dữ liệu và nguồn nhân lực chất lượng cao. Vì vậy, việc tiếp tục hoàn thiện thể chế cho khoa học-công nghệ, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đầu tư cho giáo dục-đào tạo sẽ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Tuy nhiên, theo ông, để hiện thực hóa những kỳ vọng đó, cải cách thể chế vẫn là yếu tố then chốt. Trong quá trình phát triển, nhiều doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn do thủ tục hành chính phức tạp, sự chồng chéo của các quy định pháp luật hoặc chi phí tuân thủ còn cao. Nếu những điểm nghẽn này được tháo gỡ quyết liệt trong nhiệm kỳ mới, môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam sẽ trở nên thông thoáng và cạnh tranh hơn.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp ông cho biết, điều quan trọng nhất sau bầu cử không chỉ là những tuyên bố chính sách mà là khả năng biến các định hướng chiến lược thành hành động cụ thể. Khi bộ máy được kiện toàn và các chương trình cải cách được triển khai đồng bộ từ trung ương đến địa phương, Việt Nam sẽ có cơ hội bước vào một giai đoạn tăng trưởng mới với chất lượng cao hơn, dựa trên đổi mới sáng tạo, kinh tế xanh và sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế tư nhân.

### **Kỳ vọng môi trường chính sách ổn định, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kinh tế số**

Bên cạnh yêu cầu cải cách thể chế và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nhiều doanh nghiệp cũng bày tỏ kỳ vọng nhiệm kỳ mới của Quốc hội sẽ tiếp tục hoàn thiện khung chính sách nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các ngành kinh tế mới.

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi sâu sắc cấu trúc của nền kinh tế toàn cầu, doanh nghiệp cho rằng việc xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và hoàn thiện thể chế cho khoa học - công nghệ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với năng lực cạnh tranh quốc gia.

Theo ông Tô Mạnh Cường, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Bưu chính Viễn thông (VNPT Technology), cho biết trong những năm gần đây Việt Nam đã đạt được nhiều bước tiến đáng kể trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ, việc tham gia nghiên cứu, thiết kế và sản xuất các sản phẩm “Make in Vietnam” không chỉ là chiến lược kinh doanh mà còn là trách nhiệm đóng góp vào quá trình xây dựng năng lực công nghệ của quốc gia.

Theo ông Tô Mạnh Cường, thực tế cho thấy nhiều doanh nghiệp trong nước đã từng bước làm chủ các công nghệ cốt lõi, từ thiết bị viễn thông, hạ tầng số cho tới các nền tảng công nghệ phục vụ quá trình chuyển đổi số quốc gia. Tuy nhiên, để các sản phẩm công nghệ Việt Nam có thể phát triển mạnh mẽ hơn và cạnh tranh với các sản phẩm quốc tế, doanh nghiệp rất cần một môi trường chính sách ổn định cùng các cơ chế khuyến khích nghiên cứu và phát triển một cách thực chất.

Về phía doanh nghiệp, sự ổn định và nhất quán trong định hướng chính sách là yếu tố đặc biệt quan trọng. Việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ thường là những khoản đầu tư dài hạn, đòi hỏi nguồn lực lớn và thời gian tích lũy tri thức kéo dài nhiều năm. Vì vậy, khi khung pháp lý rõ ràng, minh bạch và ổn định, doanh nghiệp sẽ có thêm niềm tin để đầu tư mạnh mẽ hơn vào các hoạt động nghiên cứu, thiết kế và sản xuất sản phẩm công nghệ trong nước. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng kỳ vọng có thêm các cơ chế khuyến khích nghiên cứu, phát triển như chính sách ưu đãi thuế cho hoạt động R&D, hỗ trợ thử nghiệm sản phẩm mới cũng như các chương trình thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Những cơ chế này được cho là có thể

giúp doanh nghiệp giảm bớt rủi ro trong quá trình đầu tư vào công nghệ, đồng thời tạo động lực để nhiều doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào việc phát triển các sản phẩm công nghệ “Make in Vietnam”.

Một yếu tố khác được cộng đồng doanh nghiệp quan tâm là việc mở rộng thị trường cho các sản phẩm công nghệ trong nước. Khi các sản phẩm “Make in Vietnam” có cơ hội tham gia vào các dự án chuyển đổi số quốc gia, các chương trình phát triển hạ tầng số hay hệ sinh thái công nghệ của Việt Nam, doanh nghiệp sẽ có điều kiện tích lũy kinh nghiệm, hoàn thiện sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đây cũng được xem là cách để từng bước xây dựng một hệ sinh thái công nghệ nội địa mạnh mẽ và bền vững.

Với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng số và dịch vụ viễn thông, bà Nguyễn Hiền Phương, Tổng Giám đốc Vietnamobile, cho rằng trong bối cảnh Việt Nam đang bước vào giai đoạn tăng tốc chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, cộng đồng doanh nghiệp kỳ vọng Quốc hội khóa XVI sẽ tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi và ổn định để doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư và phát triển các nền tảng số phục vụ nền kinh tế.

Theo bà Nguyễn Hiền Phương, trong các lĩnh vực hạ tầng số và dịch vụ công nghệ, nhiều dự án có quy mô đầu tư lớn và chu kỳ phát triển dài. Do đó, sự ổn định của chính sách và tính minh bạch của hệ thống pháp luật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các quyết định đầu tư của doanh nghiệp. Khi khung pháp lý rõ ràng, nhất quán và có tính dự báo cao, doanh nghiệp có thể chủ động xây dựng chiến lược phát triển dài hạn, đồng thời thu hút thêm nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước cho các dự án hạ tầng và dịch vụ số.

Bên cạnh việc hoàn thiện khung pháp lý, doanh nghiệp cũng kỳ vọng tăng cường vai trò giám sát và hướng dẫn trong quá trình thực thi chính sách. Thực tế cho thấy nhiều chủ trương của Nhà nước được ban hành với tinh thần hỗ trợ doanh nghiệp, nhưng khi triển khai tại các cấp quản lý đôi khi vẫn phát sinh cách hiểu khác nhau do quy định chưa được hướng dẫn đầy đủ. Vì vậy, nếu công tác giám sát và hướng dẫn được thực hiện rõ ràng và thống nhất, việc triển khai chính sách sẽ hạn chế được tình trạng diễn giải sai lệch hoặc áp dụng không đồng nhất giữa các cấp quản lý.

Trong bối cảnh kinh tế số đang phát triển nhanh chóng, nhiều doanh nghiệp cũng đang từng bước chuyển đổi mô hình hoạt động để thích ứng với xu hướng mới. Điển hình như Vietnamobile hiện đang trong quá trình tái cấu trúc và định hướng phát triển theo mô hình “telco-techco”, tức là từ một doanh nghiệp viễn thông truyền thống từng bước mở rộng sang cung cấp các nền tảng công nghệ và dịch vụ số.

Theo bà Nguyễn Hiền Phương, xu hướng hội tụ giữa viễn thông và công nghệ đang diễn ra ngày càng rõ nét trên phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, để các doanh nghiệp Việt Nam có thể thực hiện thành công quá trình chuyển đổi này, rất cần một môi trường chính sách linh hoạt và phù hợp với thực tiễn phát triển của công nghệ.

Từ góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp, sự đồng hành giữa Nhà nước, Quốc hội và khu vực doanh nghiệp sẽ là yếu tố quan trọng để Việt Nam tận dụng tốt các cơ hội của kỷ nguyên số. Khi chính sách được xây dựng theo hướng kiến tạo, minh bạch và khuyến khích đổi mới

sáng tạo, doanh nghiệp sẽ có thêm động lực để đầu tư, phát triển công nghệ và mở rộng các dịch vụ số.

Theo nhiều doanh nghiệp, với tiềm năng về nguồn nhân lực, quy mô thị trường và khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, Việt Nam hoàn toàn có cơ hội trở thành một trung tâm công nghệ và đổi mới sáng tạo của khu vực những năm tới. Điều quan trọng là tiếp tục duy trì môi trường chính sách ổn định, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong nước phát huy tối đa năng lực của mình.

*Nguồn: nhandan.vn*

## HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI DÂN – THƯỚC ĐO MỚI CỦA QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Ngày 20/3 hằng năm, Ngày Quốc tế Hạnh phúc được cộng đồng quốc tế lựa chọn như dịp để nhấn mạnh giá trị của một xã hội phát triển vì con người. Tại Hà Nội, khái niệm “hạnh phúc” đang dần được nhìn nhận không chỉ ở góc độ đời sống tinh thần hay phúc lợi xã hội, mà còn gắn với chất lượng quản trị đô thị và hiệu quả của hệ thống hành chính công. Khi thủ tục hành chính trở nên minh bạch, dịch vụ công thuận tiện hơn, sự hài lòng của người dân cũng tăng lên - và đó chính là một trong những thước đo quan trọng của một đô thị phát triển bền vững.

### **Cải cách hành chính hướng tới chính quyền phục vụ**

Trong nhiều năm qua, Hà Nội đã đẩy mạnh cải cách hành chính với mục tiêu xây dựng chính quyền phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Từ việc đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ đến triển khai các dịch vụ công trực tuyến, nhiều thay đổi đã giúp giảm đáng kể phiền hà cho người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Theo các chuyên gia quản trị công, nếu trước đây hệ thống hành chính thường được nhìn nhận theo hướng “quản lý”, thì hiện nay xu hướng mới là “phục vụ”. Nghĩa là mọi quy trình, chính sách đều hướng tới việc tạo thuận lợi tối đa cho người dân.

Giáo sư, Tiến sĩ Phùng Hữu Phú - nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, nguyên Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Nội đánh giá cao khi Hà Nội tập trung vào vấn đề then chốt như quản trị đô thị hiện đại, phát triển khoa học – công nghệ. Xây dựng Thủ đô phải trở thành sự nghiệp của toàn dân, phát huy cao nhất tâm huyết, trí tuệ, tài năng của người Hà Nội. Với tinh thần đổi mới, trong Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVIII lần đầu tiên đưa khái niệm “Hà Nội văn hiến, hiện đại và hạnh phúc” thành tư tưởng chỉ đạo. Đây là điểm rất mới, rất nhân văn, phản ánh mục tiêu phát triển toàn diện không chỉ kinh tế mà còn hướng đến chất lượng sống, môi trường và giá trị tinh thần của người dân Thủ đô.

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Bùi Thị An – Viện trưởng Viện Tài nguyên, Môi trường và Phát triển, Phó Chủ tịch Hội đồng Tư vấn Kinh tế - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố

Hà Nội cho rằng, việc thành phố giao nhiệm vụ rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm cho từng đơn vị, địa phương - đó chính là “đột phá trong tổ chức thực hiện”. Song song với đó, các nghị quyết mới về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cho thấy tinh thần dám nghĩ, dám làm, chấp nhận thử nghiệm để tạo chuyển biến thực chất. Mục tiêu phát triển của Hà Nội không chỉ dừng ở “giàu”, mà phải hướng đến “hạnh phúc” - thể hiện trong cách ứng xử của đội ngũ cán bộ với người dân.

Song song với cải cách thủ tục, Hà Nội cũng đang thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số trong quản lý nhà nước. Việc triển khai các dịch vụ công trực tuyến giúp người dân có thể thực hiện nhiều thủ tục ngay tại nhà, giảm thời gian đi lại và chi phí xã hội.

Theo các chuyên gia công nghệ, chuyển đổi số không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý mà còn cải thiện trải nghiệm của công dân. Khi các dịch vụ công được số hóa, quy trình xử lý hồ sơ trở nên minh bạch và thuận tiện hơn.

Tiến sĩ Lê Anh Tuấn, chuyên gia về chuyển đổi số đô thị, cho rằng trong kỷ nguyên số, khái niệm “hạnh phúc đô thị” gắn liền với chất lượng dịch vụ công. Nếu người dân có thể tiếp cận dịch vụ nhanh chóng, minh bạch và không gặp rào cản thủ tục, mức độ hài lòng sẽ tăng lên đáng kể.

Ở nhiều nước trên thế giới, chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ công được xem là tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả của chính quyền. Việt Nam cũng đang từng bước áp dụng cách tiếp cận này thông qua các khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ hành chính công.

### **Khi sự hài lòng của người dân trở thành mục tiêu quản trị**

Trên thực tế, cảm nhận về hạnh phúc của người dân đôi khi đến từ những điều rất giản dị trong đời sống hàng ngày. Một thủ tục được giải quyết nhanh chóng, một cán bộ tận tình hướng dẫn hay một quy trình minh bạch, rõ ràng cũng có thể tạo nên sự khác biệt lớn.

Theo các nhà nghiên cứu xã hội học, khi người dân cảm thấy được tôn trọng và lắng nghe trong quá trình giải quyết công việc với chính quyền, niềm tin xã hội sẽ được củng cố. Đây chính là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của một đô thị.

Tại Hà Nội, nhiều địa phương đã chú trọng nâng cao kỹ năng giao tiếp và thái độ phục vụ của cán bộ hành chính. Việc xây dựng hình ảnh người cán bộ thân thiện, trách nhiệm được xem là yếu tố quan trọng trong quá trình cải cách. Trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và quy mô dân số ngày càng lớn, việc nâng cao chất lượng quản trị đô thị trở thành yêu cầu cấp thiết đối với Hà Nội. Các chuyên gia cho rằng mục tiêu cuối cùng của mọi chính sách công vẫn là nâng cao chất lượng sống và hạnh phúc của người dân.

Điều đó đòi hỏi chính quyền phải không ngừng cải tiến phương thức quản lý, ứng dụng công nghệ và lắng nghe phản hồi từ cộng đồng. Khi người dân được tham gia và đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng chính sách, các quyết định quản lý sẽ trở nên phù hợp hơn với nhu cầu thực tế.

Ngày nay, khái niệm “thành phố hạnh phúc” không còn là khẩu hiệu mang tính biểu tượng mà đang trở thành một mục tiêu cụ thể của quản trị đô thị hiện đại. Một thành phố được coi là hạnh phúc khi người dân cảm thấy an toàn, thuận tiện trong sinh hoạt, được tiếp cận dịch vụ công chất lượng và có cơ hội phát triển.

Nhìn từ góc độ quản trị công, hạnh phúc của người dân có thể được xem là thước đo tổng hợp phản ánh hiệu quả của các chính sách phát triển. Khi dịch vụ công hoạt động hiệu quả, môi trường sống được cải thiện và cơ hội phát triển được mở rộng, mức độ hài lòng của người dân cũng tăng lên.

*Nguồn: hanoimoi.vn*

## THÁO GỠ CÁC RÀO CẢN, TẠO THUẬN LỢI CHO DOANH NGHIỆP

Hai tháng đầu năm 2026, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục ghi nhận những tín hiệu phục hồi mạnh mẽ từ khu vực doanh nghiệp. Theo số liệu từ Cục Thống kê (Bộ Tài chính), cả nước có 35.471 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 70,69% so với cùng kỳ năm 2025.

Tổng vốn đăng ký đạt 313.690 tỷ đồng, tăng 36,12%, cùng 167.537 lao động đăng ký, tăng 19,09%. Đây là mức tăng cao nhất trong nhiều năm gần đây, gấp hơn hai lần bình quân giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, cả nước cũng có 29.013 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, nâng tổng số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường lên gần 64.500, tăng 29,4% so với cùng kỳ năm 2025.

Theo đánh giá của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), những con số này phản ánh sự sôi động của môi trường kinh doanh, củng cố niềm tin vào triển vọng phục hồi và mở rộng kinh tế. Doanh nghiệp đang đón nhận khí thế mới sau giai đoạn chịu nhiều tác động từ biến động toàn cầu.

Tuy nhiên, “bức tranh” của nền kinh tế vẫn còn những gam màu chưa thật sự sáng khi môi trường kinh doanh vẫn tồn tại không ít bất cập, với nhiều “điểm nghẽn” khiến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gặp khó khăn.

Nhiều ý kiến từ cộng đồng doanh nghiệp cho biết, có một số thông tư vừa mới ban hành đã phát sinh quy định bất hợp lý; các đề xuất cắt giảm điều kiện kinh doanh chưa thực chất, đôi khi mang tính hình thức, thời gian chuẩn bị ngắn, chưa phản ánh sát thực tiễn vận hành.

Nguyên nhân của tình trạng này được xác định là do còn tư duy quản lý cũ chưa được thay đổi triệt để; vẫn tồn tại quy định thiếu linh hoạt, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, thậm chí tạo thêm gánh nặng mới cho các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật thay đổi nhanh chóng nhưng thiếu tính dự báo và thiếu sự tham vấn đầy đủ với doanh nghiệp, dẫn đến doanh nghiệp khó nắm bắt và tuân thủ. Tốc độ

ban hành văn bản nhanh nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhưng lại khiến doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp khó khăn trong việc cập nhật và áp dụng.

Cùng với đó, thủ tục hành chính vẫn chồng chéo, rườm rà, với chi phí không chính thức phổ biến, nhất là ở lĩnh vực đất đai và tài chính. Điều này làm tăng gánh nặng tuân thủ, giảm hiệu quả kinh doanh.

Đáng chú ý, sự thiếu đồng bộ giữa các quy định, trùng lặp giữa các loại thuế phí, dẫn đến chi phí sản xuất, kinh doanh tăng cao. Việc thực thi chính sách ở cấp địa phương còn yếu, thiếu minh bạch và danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện quá nhiều, đang tạo rào cản pháp lý không cần thiết.

Để tháo gỡ những “điểm nghẽn” này, cần những giải pháp đột phá trong cải cách hành chính, xây dựng khung khổ pháp lý phù hợp, theo kịp nhịp độ phát triển kinh tế. Trong đó, phải tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới môi trường thuận lợi, minh bạch và công bằng.

Cần cắt giảm tối đa điều kiện kinh doanh, thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; kiên quyết bãi bỏ các ngành nghề không cần thiết, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm hiệu quả. Đẩy mạnh chuyển đổi số là hướng đi then chốt, triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình, phấn đấu ít nhất 80% số hồ sơ được xử lý trực tuyến, 100% số thủ tục không phụ thuộc địa giới hành chính.

Tăng cường đối thoại thường xuyên với doanh nghiệp qua các kênh như VCCI nhằm rà soát thực chất ý kiến phản hồi của doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung quy định kịp thời. Đặc biệt, cần tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, đổi mới cách thức giải quyết thủ tục, nhằm giảm gánh nặng cho doanh nghiệp một cách thực chất.

Chỉ khi những bước đi này được thực hiện quyết liệt, đồng bộ, chúng ta mới huy động được mọi nguồn lực xã hội, thúc đẩy tăng trưởng bền vững, hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai con số trong năm nay, cũng như phục vụ tốt nhất nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

*Nguồn: nhandan.vn*

# CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết số 41/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (gọi tắt là Chương trình).

Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV thể hiện rõ những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để cụ thể hóa quan điểm, đường lối, định hướng và nội dung liên quan của Nghị quyết Đại hội XIV thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, bảo đảm phù hợp với tình hình trong nước, quốc tế và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời gian tới.

Chương trình hành động của Chính phủ là căn cứ để các bộ, ngành, cơ quan trực thuộc Chính phủ ở trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh xây dựng chương trình hành động của từng bộ, ngành, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải được tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, nỗ lực phấn đấu cao nhất để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước đã đề ra theo Nghị quyết Đại hội XIV.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, cơ quan ở trung ương và địa phương phải nghiêm túc quán triệt các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, các quan điểm chỉ đạo theo Nghị quyết Đại hội XIV, trong đó đặc biệt chú trọng 12 định hướng phát triển đất nước, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược; với phương châm hành động “Đoàn kết, kỷ cương - Dân chủ, đổi mới - Đột phá, phát triển - Gần dân, vì dân”; tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu; xây dựng Chính phủ liêm chính, hành động, kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, quyết tâm bứt phá, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát đề ra theo Nghị quyết Đại hội XIV: Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc; thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao vì một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chương trình đưa ra 10 nhiệm vụ trọng tâm để các bộ ngành, địa phương thực hiện:

**1. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển**

Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, thương mại, khoáng sản, sở hữu trí tuệ, phá sản, xây dựng... Cải cách mạnh mẽ, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Nghiên cứu, đề xuất các quy định nhằm tăng cường thống nhất đầu mối quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; cắt giảm, đơn giản hoá các điều kiện kinh doanh không cần thiết, mâu thuẫn, chồng chéo, không rõ ràng và cắt giảm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; đưa môi trường đầu tư của Việt Nam vào nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN và nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới vào năm 2028.

Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển năng lượng, đặc biệt là trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng tái tạo. Xây dựng thể chế thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế không gian tầm thấp, kinh tế bạc, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm... Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật cho phát triển công nghệ tài chính (Fintech), tài sản mã hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) và các mô hình kinh tế mới nổi khác. Thí điểm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong các lĩnh vực mới như công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, chuyên đổi năng lượng, công nghệ số.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển mạnh kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn; chính sách quản lý, sử dụng hợp lý, linh hoạt đất trồng lúa, chuyển đổi đất trồng lúa hiệu quả thấp sang sản xuất cây trồng, vật nuôi, sản xuất công nghiệp hoặc mục đích sử dụng khác có hiệu quả cao; cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, hợp tác công tư... cho phát triển kinh tế nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư, thử nghiệm, thí điểm các cơ chế, chính sách vượt trội cho các mô hình sản xuất nông nghiệp dựa trên công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu...

## **2. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính**

Thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, nợ công, bội chi ngân sách nhà nước trong giới hạn quy định. Tăng cường huy động nguồn lực cho phát triển; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), khai thác mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới.

Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tăng chi cho đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên; tạo đột phá mạnh về cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực theo các mô hình hợp tác công - tư. Hiện đại hoá hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng; đẩy mạnh việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém; nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng. Quản lý thị trường bất động sản phát triển

lành mạnh, minh bạch, bền vững, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân. Nâng cao hiệu quả quản lý thị trường vàng. Thực hiện quyết liệt các giải pháp phát triển thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu doanh nghiệp ổn định, an toàn, lành mạnh, trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả phục vụ tăng trưởng hai con số.

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách đột phá, đồng bộ để phát triển, nâng cao sức cạnh tranh các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, phát triển các sản phẩm công nghiệp trọng điểm. Nâng cao năng lực sản xuất các ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự chủ, tự cường về nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, nguồn nhân lực và khoa học công nghệ gắn với tăng cường vị thế, vai trò của Việt Nam trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. Ưu tiên phát triển, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất trong một số ngành công nghiệp mới nổi như công nghiệp chip bán dẫn, công nghiệp robot và tự động hoá, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, công nghiệp sinh học, công nghiệp môi trường, năng lượng tái tạo, năng lượng mới... Phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn. Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh. Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn, đạt chuẩn quốc tế, gắn kết chặt chẽ với cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế. Hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thương mại, phát triển thương mại điện tử. Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng hàng hóa xuất khẩu, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh khai thác có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp đột phá phát triển du lịch; thu hút 45 - 50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030. Vận hành hiệu quả trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Thành lập, phát triển các khu thương mại tự do thế hệ mới có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi xanh, sinh thái, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị, có hiệu quả; phát triển các vùng sản xuất hàng hoá lớn, giá trị gia tăng cao; phát triển thương hiệu các ngành hàng nông sản chiến lược, chủ lực.

Nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước, phát triển khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước, chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp...

### **3. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới**

Tập trung chuyển đổi cơ cấu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, chiến lược, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động gắn với yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế và hội nhập trong bối cảnh mới.

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Tăng cường dạy và học ngoại ngữ, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non và triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo lộ trình. Đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp

Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia ngang tầm các nước tiên tiến. Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới. Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục.

Đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý và nguồn nhân lực cho các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi (như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, chuỗi khối, điện tử, chip bán dẫn, công nghệ số, công nghệ lượng tử, công nghệ sinh học, môi trường, năng lượng, vật liệu tiên tiến, robot và tự động hóa, không gian vũ trụ, không gian biển, xây dựng công trình ngầm, vận hành đường sắt đô thị và đường sắt tốc độ cao). Phát triển nguồn nhân lực số, trang bị kỹ năng số toàn diện cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và xã hội số.

Có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, các đối tượng chính sách.

#### **4. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đạt trình độ tiên tiến ở những lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ phù hợp với nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Tháo gỡ các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế đầu tư, cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ. Xây dựng và triển khai các khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách thử nghiệm, thí điểm vượt trội trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng các cơ sở nghiên cứu và phát triển các ngành công nghệ cao, chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, công nghệ sinh học; từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị công nghệ cao. Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, ưu tiên cho công nghệ chiến lược. Xây dựng các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học mang tính đột phá, tập trung vào các nhóm ngành công nghệ chiến lược. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số, trọng tâm là công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh, an toàn, khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước và triển khai hiệu quả Đề án 06. Ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước; phát triển mạnh trợ lý ảo cho doanh nghiệp và người dân...

## **5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới**

Phát triển kết cấu hạ tầng: Xây dựng, nâng cấp trục giao thông đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây, các trục đường bộ Đông - Tây quan trọng; các cảng biển cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế; các cảng hàng không lớn; tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, các tuyến đường sắt kết nối quốc tế và các cảng biển trung chuyển quốc tế; phấn đấu hoàn thành tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trước năm 2030; triển khai giai đoạn 2 Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Xây dựng hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển đột phá kinh tế - xã hội. Triển khai các dự án năng lượng quan trọng, bảo đảm tiến độ dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2. Phát triển các dự án năng lượng tái tạo. Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu bảo đảm đồng bộ, hiện đại cho chuyển đổi số quốc gia; phát triển các nền tảng số quốc gia, tiện ích kỹ thuật số thiết yếu đáp ứng được yêu cầu Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Thúc đẩy liên kết, phát triển vùng: Triển khai hiệu quả các quy hoạch vùng kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các vùng động lực quốc gia, cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế, các đô thị lớn, các trung tâm kinh tế. Xây dựng, phát triển các vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc theo các đường vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội, đường vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn thiện thể chế liên kết vùng, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng.

Phát triển kinh tế biển: Phát triển các cụm kinh tế biển đa ngành gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh. Xây dựng các trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường trọng điểm. Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng trên biển theo quy mô công nghiệp; giảm dần sản lượng khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ. Phát triển đội tàu vận tải biển, đáp ứng nhu cầu thị trường vận tải nội địa, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng vận tải, từng bước gia tăng, chiếm lĩnh thị phần quốc tế. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo.

Phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới: Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hoà giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới. Thực hiện mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng; phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ. Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiện đại trong nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, bản sắc, bền vững...

## **6. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; quản lý phát triển xã hội bền vững; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân**

Gắn kết chặt chẽ, hài hòa, bảo đảm phát triển văn hóa, xã hội ngang tầm với phát triển kinh tế và mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả của quá trình đổi mới, phát triển đất

nước; xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam.

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, thích ứng với già hóa dân số. Tổ chức lại và nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi và sử dụng hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu. Xây dựng, phát triển một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngang tầm khu vực và quốc tế; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại. Bảo đảm cho mọi người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần...

Đẩy mạnh cải cách mô hình quản lý xã hội, phát triển đô thị an toàn, đáng sống, thông minh và bền vững. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong thực hiện chính sách xã hội, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về chính sách xã hội. Hiện đại hoá và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu, quản lý lao động, việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số.

### **7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai**

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng, nhất là tài nguyên biển, đất hiếm. Cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước. Xây dựng các hồ chứa lớn tại miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ. Triển khai Chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (hồ chứa nước, hệ thống giữ nước, công trình điều tiết nước, phòng, chống sạt lở, sụt lún, hạn hán, xâm nhập mặn...). Triển khai các giải pháp phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét tại miền Trung và trung du, miền núi phía Bắc...

### **8. Tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa**

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Tăng cường xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ứng phó kịp thời, hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Kiên quyết đấu tranh trấn áp hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm ma túy... Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an

ninh, an toàn thông tin; bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bảo đảm chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng trong mọi tình huống và bảo đảm môi trường số an toàn, ổn định cho phát triển. Tăng cường, mở rộng tiềm lực đối ngoại quốc phòng, an ninh.

Xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, gắn kết chặt chẽ và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu...

### **9. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả**

Tiếp tục triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Nâng tầm đối ngoại đa phương và song phương; nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đẩy mạnh khai thác các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện; tiếp tục xác lập, nâng cấp quan hệ với một số đối tác quan trọng. Nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam tại các tổ chức khu vực, quốc tế; chủ động, tích cực tham gia định hình các thể chế đa phương; đóng góp chủ động, tích cực, có trách nhiệm hơn nữa vào các công việc chung của cộng đồng quốc tế. Đẩy mạnh công tác phổ biến thông tin và tăng cường hiệu quả thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế.

Kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam; đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đi vào chiều sâu, thực chất. Đẩy mạnh các hình thức ngoại giao mới (ngoại giao khoa học - công nghệ, ngoại giao số, ngoại giao văn hoá, ngoại giao công thương...); chăm lo cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, giữ gìn bản sắc dân tộc...

### **10. Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân; nâng cao năng lực quản trị xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, khả thi, thống nhất, công bằng, dân chủ, minh bạch, dễ tiếp cận, kiến tạo phát triển và hội nhập quốc tế; bảo đảm hệ thống pháp luật có cấu trúc hợp lý và tính ổn định tương đối, có khả năng dự báo được, đồng thời có độ mở phù hợp với yêu cầu thực tiễn; bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân. Sửa đổi, bổ sung các luật quan trọng để hoàn thiện thể chế phát triển. Phát triển và vận hành hiệu quả Công Pháp luật quốc gia phục vụ người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận pháp luật; tương tác giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp trong xây dựng thể chế, pháp luật; thúc đẩy phát triển hệ thống dịch vụ pháp lý, hỗ trợ pháp lý, trợ giúp pháp lý. Khuyến khích, phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài toà án. Đẩy mạnh công tác hoà giải ở cơ sở gắn với phát huy vai trò tự quản của người dân.

Xây dựng hệ thống quản lý nhà nước, quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, phục vụ và kiến tạo phát triển, xây dựng chính phủ số, chính quyền số. Tiếp tục đổi mới, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, uỷ quyền

một cách khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, phù hợp với năng lực thực hiện nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm gần dân, sát cơ sở, phục vụ nhân dân hiệu quả.

Hoàn thiện các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập...

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## TĂNG MỨC PHẠT ĐỐI VỚI MỘT SỐ HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC BÌNH ĐẲNG GIỚI

Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới theo hướng điều chỉnh tăng mức phạt đối với nhiều hành vi vi phạm.

**Xúc phạm danh dự người tự ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân bị phạt tới 4 triệu đồng**

Nghị định số 76/2026/NĐ-CP điều chỉnh tăng mức phạt tối đa từ 3 triệu đồng lên 4 triệu đồng đối với các hành vi sau:

Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới.

Xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhằm cản trở việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới.

Cố ý tuyên truyền sai sự thật để cản trở người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới.

Cố ý tuyên truyền sai sự thật để cản trở việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới.

Xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới.

Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới.

Xúi giục người khác trì hoãn cung cấp hoặc trì hoãn, không cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định các thông tin, tài liệu, mẫu hồ sơ theo quy định đối với người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới.

Cùng với đó, Nghị định số 76/2026/NĐ-CP cũng điều chỉnh mức phạt từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng (quy định cũ) lên từ 4 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

Dùng vũ lực cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới.

Sửa chữa, làm sai lệch hồ sơ nhằm cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới.

Ép buộc người khác sửa chữa, làm sai lệch hồ sơ nhằm cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới.

Nghị định số 76/2026/NĐ-CP cũng điều chỉnh tăng mức phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến văn hóa, thể dục, thể thao.

Cụ thể, các hành vi: Xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhằm cản trở người sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn hoặc tham gia hoạt động văn hóa khác, hoạt động thể dục, thể thao vì định kiến giới; đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở người sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn hoặc tham gia hoạt động văn hóa khác, hoạt động thể dục, thể thao vì định kiến giới bị phạt từ 3 triệu đồng đến 4 triệu đồng (quy định cũ phạt từ 2 triệu đồng đến 3 triệu đồng).

Các hành vi như dùng vũ lực cản trở người sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn hoặc tham gia hoạt động văn hóa khác, hoạt động thể dục, thể thao vì định kiến giới; không cho người khác sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn hoặc tham gia hoạt động văn hóa khác, hoạt động thể dục, thể thao vì định kiến giới bị phạt tiền từ 4 triệu đồng đến 7 triệu đồng (quy định cũ phạt từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng).

**Đối xử bất bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính bị phạt tới 10 triệu đồng**

Ngoài ra, Nghị định số 76/2026/NĐ-CP cũng điều chỉnh tăng mức phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến gia đình.

Theo đó, các hành vi như cản trở hoặc không cho thành viên trong gia đình thực hiện các hoạt động tạo thu nhập hoặc đáp ứng các nhu cầu khác của gia đình vì lý do giới tính; đối xử bất bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính bị phạt từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng (quy định cũ phạt từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng).

Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính; áp đặt việc thực hiện lao động gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai, triệt sản như là trách nhiệm của thành viên trong gia đình thuộc một giới nhất định bị phạt từ 10 triệu đồng đến 12 triệu đồng (quy định cũ phạt từ 5 triệu đồng đến 7 triệu đồng).

Hành vi dùng vũ lực nhằm cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính bị phạt tiền từ 12 triệu đồng đến 15 triệu đồng (quy định cũ phạt từ 7 triệu đồng đến 10 triệu đồng).

Nguồn: vietnamplus.vn

## CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ SỬ DỤNG KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

Nghị định gồm 3 chương, 15 điều quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

Nghị định này không điều chỉnh đối với chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ; các cơ quan nhà nước có nguồn kinh phí hoạt động theo các Nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của cấp có thẩm quyền (nếu có).

### **Nguồn kinh phí giao tự chủ**

Nghị định quy định kinh phí quản lý hành chính giao cho cơ quan thực hiện chế độ tự chủ từ các nguồn sau:

Nguồn ngân sách nhà nước cấp chi quản lý hành chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và được xác định để giao tự chủ theo quy định tại Nghị định này.

Các nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

### **Phạm vi kinh phí chi quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước**

Về phạm vi kinh phí chi quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước, Nghị định quy định như sau:

1. Kinh phí quản lý hành chính giao cho cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được xác định và giao hàng năm bao gồm:

#### a) Khoản quỹ tiền lương và chi hoạt động thường xuyên:

Khoản quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức. Quỹ tiền lương khoản bao gồm: Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định.

Khoản chi hoạt động thường xuyên theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Số biên chế được giao làm căn cứ thực hiện khoán quỹ tiền lương và chi hoạt động thường xuyên là số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức.

Trường hợp cơ quan chưa được phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thì thực hiện khoán quỹ tiền lương và chi hoạt động thường xuyên trên cơ sở biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc tạm giao và phải điều chỉnh sau khi đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

Trường hợp lập thêm tổ chức, được giao nhiệm vụ mới hoặc biến động biên chế do sắp xếp bộ máy theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền thì số biên chế để làm căn cứ thực hiện khoán quỹ lương và chi hoạt động thường xuyên được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Các khoản chi nghiệp vụ đặc thù thường xuyên mà tại thời điểm phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đã có dự toán chi tiết theo khối lượng công việc và đã có chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, được đơn vị dự toán cấp I tổng hợp trong phương án phân bổ, giao dự toán.

2. Ủy ban Nhân dân cấp xã căn cứ quy định trên để xác định phạm vi kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ cho các cơ quan cấp xã theo quy định tại Nghị định này, phù hợp với thực tế của địa phương.

### **Các khoản chi từ nguồn kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ**

Nội dung chi từ nguồn kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ:

1. Chi tiền lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương, chi tiền lương hợp đồng lao động, chi phúc lợi tập thể và các khoản thanh toán khác cho cá nhân theo quy định hiện hành của Chính phủ về cơ chế tiền lương đối với cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan hành chính nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chi thực hiện công tác thi đua, khen thưởng: Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

3. Các khoản chi bố trí trong định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo quy định: Chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, hội nghị, tổng kết, công tác phí trong nước, chi cho các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam; chi phí thuê mướn, chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; chi mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo tiêu chuẩn, định mức và các khoản chi khác bố trí trong định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo quy định.

4. Các khoản chi nghiệp vụ đặc thù thường xuyên hàng năm theo chức năng, nhiệm vụ đã được cơ quan có thẩm quyền phân bổ, giao dự toán thực hiện chế độ tự chủ theo quy định.

5. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

### **Trách nhiệm của cơ quan thực hiện chế độ tự chủ**

Nghị định quy định cơ quan thực hiện chế độ tự chủ chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình trong việc quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính được giao; thực hiện các biện pháp tiết kiệm trong việc sử dụng kinh phí quản lý hành chính; ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, tổ chức thảo luận dân chủ, thống nhất trong cơ quan nhằm thực hiện tốt các mục tiêu và nhiệm vụ được giao.

Tổ chức thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính trong việc quản lý và sử dụng kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan theo quy định về công khai ngân sách và công khai tại hội nghị cán bộ công nhân viên chức; tạo điều kiện cho cán bộ, công chức trong cơ quan được tham gia thực hiện và giám sát thực hiện phương án sử dụng kinh phí theo quy định của Nhà nước.

Trước ngày 31/01 năm sau, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ báo cáo đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp hoặc cơ quan tài chính cùng cấp (đối với cơ quan không có đơn vị dự toán trực thuộc) kết quả thực hiện chế độ tự chủ.

*Nguồn: vietnamplus.vn*

## **PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**

Ngày 16/3/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng ký Quyết định số 433/QĐ-TTg phê duyệt Đề án chuyển đổi số các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026 – 2030 (gọi tắt là Đề án).

Mục tiêu của Đề án nhằm nâng cao mức độ sẵn sàng, năng lực chuyển đổi số của doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các gói hỗ trợ phù hợp với nhu cầu, quy mô, mức độ sẵn sàng và đặc thù của từng ngành, lĩnh vực; từ đó thúc đẩy chuyển đổi số thực chất, toàn diện, cải thiện năng suất và hiệu quả hoạt động, khả năng thích ứng với biến động thị trường và tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Phấn đấu đến năm 2030, ít nhất 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ thông qua các hoạt động của Đề án (như đánh giá mức độ sẵn sàng, thử nghiệm và ứng dụng sản phẩm, giải pháp về chuyển đổi số, tư vấn về chuyển đổi số, đào tạo, nâng cao năng lực số). Trong đó, ít nhất 300.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ ứng dụng sản phẩm, giải pháp công nghệ số, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo.

Đồng thời, hình thành nhóm 200 doanh nghiệp nhỏ và vừa tiêu biểu về chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực quan trọng như: khoa học - công nghệ, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp, y tế, thương mại, logistics, tài chính, giáo dục và du lịch.

Bên cạnh đó, phát triển mạng lưới tư vấn viên chuyên đổi số với ít nhất 500 tổ chức, cá nhân tham gia, đáp ứng tiêu chí về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn để đồng hành cùng doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **3 nhiệm vụ và giải pháp**

Để thực hiện được các mục tiêu nêu trên, Đề án đưa ra 3 nhiệm vụ và giải pháp cụ thể như sau:

#### **1. Hoàn thiện thể chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số. Cụ thể:**

Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và các văn bản hướng dẫn nhằm tháo gỡ vướng mắc trong chính sách hỗ trợ ứng dụng các sản phẩm, giải pháp công nghệ số, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo bảo đảm phù hợp với thực tiễn triển khai.

Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số. Trong đó, xác định nội dung, hình thức hỗ trợ; cơ chế lựa chọn, công bố các sản phẩm, giải pháp công nghệ số, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, có khả năng kết nối liên thông, mở rộng; cơ chế nghiệm thu, theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện.

#### **2. Phát triển hạ tầng hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cụ thể:**

Phát triển hạ tầng băng rộng cố định, di động 5G và các công nghệ di động thế hệ tiếp theo tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất thông minh, tự động hóa, Internet vạn vật công nghiệp (IIoT), rô-bốt, trí tuệ nhân tạo và hệ thống điều khiển thời gian thực bảo đảm độ trễ thấp, độ tin cậy cao. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ viễn thông công ích, thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, miền.

Tận dụng tối đa hạ tầng viễn thông, Internet tốc độ cao, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị tại các trung tâm, cụm đổi mới sáng tạo nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp nhỏ và vừa khai thác, học hỏi, thử nghiệm các sản phẩm, giải pháp công nghệ số, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo để chuyển đổi từ sản xuất truyền thống sang sản xuất thông minh.

Công khai, chia sẻ có kiểm soát các nguồn dữ liệu chuyên ngành phục vụ phân tích, dự báo, tối ưu hoạt động sản xuất, kinh doanh. Ưu tiên khai thác, chia sẻ dữ liệu trong các lĩnh vực như công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp, logistics, tài chính và các ngành có giá trị gia tăng cao.

Mở rộng khả năng tiếp cận hạ tầng nghiên cứu, phát triển công nghệ, phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo của Nhà nước.

Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê, sử dụng dịch vụ, thiết bị tại các phòng thí nghiệm, trung tâm kiểm chuẩn, trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, hạ tầng tính toán hiệu năng cao để thử nghiệm, kiểm thử, đánh giá chất lượng và hiệu quả sản phẩm, giải pháp công nghệ số, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo.

Cơ chế hỗ trợ được thực hiện thông qua các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước; phiếu hỗ trợ tài chính; khai thác dịch vụ tại các hạ tầng dùng chung và các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao năng lực.

### 3. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, phát triển hệ sinh thái số, bao gồm:

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xây dựng lộ trình chuyển đổi số phù hợp với các ngành, lĩnh vực.

Xây dựng mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số, hỗ trợ kinh phí tư vấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các sản phẩm, giải pháp về chuyển đổi số.

Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ cao phát triển các sản phẩm, giải pháp phục vụ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng các sản phẩm, giải pháp công nghệ số, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo và tiếp nhận chuyển giao công nghệ.

Hỗ trợ nâng cao năng lực số thông qua đào tạo, bồi dưỡng các chủ doanh nghiệp, lao động nòng cốt và người lao động.

Tổ chức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

Thúc đẩy văn hóa chuyển đổi số.

Huy động các nguồn lực tài chính từ nguồn ngân sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, xã hội hóa, viện trợ, tài trợ quốc tế.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT AN NINH MẠNG

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký Quyết định số 437/QĐ-TTg ngày 16/3/2026 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật An ninh mạng (gọi tắt là Kế hoạch)

Mục đích của Kế hoạch nhằm xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật An ninh mạng (sau đây gọi tắt là Luật), bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả.

Xác định rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thi hành Luật trên phạm vi cả nước.

Bên cạnh đó, nâng cao nhận thức về Luật và trách nhiệm của các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật.

**Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thi hành Luật; tập huấn chuyên sâu, bồi dưỡng pháp luật, nghiệp vụ an ninh mạng**

Kế hoạch đưa ra 6 nhiệm vụ cụ thể để các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan triển khai thực hiện như sau:

1. Trong năm 2026 và các năm tiếp theo, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khác, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình khác tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thi hành Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương biên soạn tài liệu, tổ chức các hội nghị tập huấn chuyên sâu bồi dưỡng pháp luật, nghiệp vụ an ninh mạng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Bộ Công an tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý nhà nước được phân công, gửi kết quả rà soát về Bộ Công an trước ngày 01/4/2026. Bộ Công an tổng hợp kết quả rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15/6/2026.

4. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật và văn bản khác có liên quan trước ngày 01/7/2026. Cụ thể:

- Xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng (cụ thể là các điểm a, b, c, d, đ, g và l khoản 1 Điều 5; khoản 4 Điều 25; khoản 3 Điều 26 và khoản 5 Điều 34 Luật An ninh mạng).

- Xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về phòng, chống tội phạm mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao (bao gồm quy định chi tiết khoản 5 Điều 14 Luật An ninh mạng).

- Xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin (bao gồm quy định chi tiết khoản 2 Điều 8, khoản 5 Điều 9, khoản 6 Điều 10 và khoản 5 Điều 12 Luật An ninh mạng).

- Xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục áp dụng một số biện pháp bảo vệ an ninh mạng (cụ thể là điểm e, h, i, k và m khoản 1 Điều 5 Luật An ninh mạng).

- Xây dựng Nghị định của Chính phủ về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (bao gồm quy định chi tiết khoản 3 Điều 28 và Điều 29 Luật An ninh mạng).

- Xây dựng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân (bao gồm quy định chi tiết các hành vi vi phạm hành

chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân).

- Xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về lực lượng bảo vệ an ninh mạng (bao gồm quy định chi tiết khoản 2 Điều 30 Luật An ninh mạng).

**Ban hành Danh mục Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia trước 31/12/2026**

Trước ngày 01/7/2026, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan xây dựng và ban hành 2 Nghị định của Chính phủ về hoạt động mật mã dân sự (bao gồm quy định chi tiết điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 28, khoản 3 Điều 29 Luật An ninh mạng) và Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng (bao gồm quy định về ngăn chặn xung đột thông tin trên không gian mạng tại khoản 4 Điều 22 và quy định các nội dung trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng tại Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 14, Điều 25, Điều 26, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 34 Luật An ninh mạng).

5. Bộ Công an chủ trì xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, ban hành trước ngày 31/12/2026.

6. Năm 2026 và các năm tiếp theo, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

### \* Quyết định của Bộ Chính trị

- Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng thôi tham gia Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIV, thôi giữ chức Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; điều động và chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng, giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy Đà Nẵng nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Đồng chí Nguyễn Mạnh Quyền, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội nhiệm kỳ 2025 - 2030; điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Đồng chí Trần Đăng Quỳnh, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, thôi giữ chức Trợ lý Tổng Bí thư; điều động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Điều động, chỉ định ông Đỗ Thành Trung, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Tài chính tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy và giữ chức Phó Bí thư Thành ủy Hải Phòng nhiệm kỳ 2025 - 2030.

### \* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 17/3/2026 về việc điều động, bổ nhiệm ông Tạ Anh Tuấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2021 - 2026 giữ chức Thứ trưởng Bộ Tài chính.

### \* Tỉnh Tây Ninh

- Điều động và bổ nhiệm ông Nguyễn Đăng Minh Xuân, Bí thư Đảng ủy xã Bến Lức, đến công tác tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Điều động và bổ nhiệm ông Trương Tấn Sơn, Bí thư Đảng ủy xã Hậu Nghĩa đến công tác tại Sở Công Thương và giữ chức Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh.

- Ông Lê Công Hiệu, Phó Giám đốc phụ trách Ban Quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát, được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Ban Quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát.

- Điều động và bổ nhiệm ông Lê Quang Định, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giữ chức Phó Giám đốc Ban Quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát.

*Nguồn: Tổng hợp từ baocinhphu.vn và vov.vn*